KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

TT	Học kỳ	Tên học phần	Số TC	Số tiết			Lớp	Số SV (HT)	Mã GV	Tên Giảng viên
				TS	LT	TH				
		PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG								
1	1	Đồ án tốt nghiệp (XD)	10	600		600	**D20X1DN**	39		Nhóm GV BMKTXD-KTr
2	1	Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ (AV3/6)					**D20X1DN**	39		
3	1	Chuẩn đầu ra CNTT (CCCNTTCB)					**D20X1DN**	39		
		Tổng giờ,Thi, Xét KQHT	**10**	**600**		**600**	**D20X1DN**	**39**		

TT	HỌC KỲ I																						
Tháng	7	8					9				10				11					12			
Ngày	27 - 22	03 - 29	10 - 05	17 - 12	24 - 19	31 - 26	07 - 02	14 - 09	21 - 16	28 - 23	05 - 30	12 - 07	19 - 14	26 - 21	02 - 28	09 - 04	16 - 11	23 - 18	30 - 25	07 - 02	14 - 09	21 - 16	28 - 23
Tuần	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
1			DK	HD	HD	HD	HD	HD	HD	HD	HD	HD	HD	HD	HD	HD	HD	HD	PB	BV	TN		
2																							
3																							
			DK	**HD**	**HD**	**HD**	**HD**	**HD**	**HD**	**HD**	**HD**	**HD**	**HD**	**HD**	**HD**	**HD**	**HD**	**HD**	**PB**	**BV**	**TN**		

TT	HỌC KỲ II																							HỌC KỲ HÈ					
Tháng	1				2				3					4				5					6				7		
Ngày	04 - 30	11 - 06	18 - 13	25 - 20	01 - 27	08 - 03	15 - 10	22 - 17	01 - 24	08 - 03	15 - 10	22 - 17	29 - 24	05 - 31	12 - 07	19 - 14	26 - 21	03 - 28	10 - 05	17 - 12	24 - 19	31 - 26	07 - 02	14 - 09	21 - 16	28 - 23	05 - 30	12 - 07	19 - 14
Tuần	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52
1																													
2																													
3																													

THÔNG TIN LỚP HỌC

D20X1DN **Bậc: Đại học;** **Khóa: D20;** **Ngành: Kỹ thuật xây dựng;** **C.Ngành: XD Dân dụng và Công nghiệp;**

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

TT	Học kỳ	Tên học phần	Số TC	Số tiết			Lớp	Số SV (HT)	Mã GV	Tên Giảng viên
				TS	LT	TH				
1	1	Anh văn chuyên ngành (Kỹ thuật)	2	30	30		D21X1DN	26	460	Lê Thị Thanh Nhung
2	1	Kỹ thuật thi công 2	3	45	45		D21X1DN	26	148	Lương Minh Sang
3	1	ĐA. Kỹ thuật thi công 2	1	30		30	D21X1DN	26	148	Lương Minh Sang
4	1	Pháp luật và Kinh tế xây dựng	3	45	45		D21X1DN	26	371	Võ Lê Duy Khánh
5	1	An toàn và môi trường trong xây dựng	2	30	30		D21X1DN	26	148	Lương Minh Sang
6	1	Tham quan công trình (XD)	1	40		40	D21X1DN	26		Nhóm GV BMKTXD-KTr
		Tự chọn (chọn 6/22 tín chỉ)								
7	1	Kết cấu bê tông cốt thép ứng lực trước	2	30	30		D21X1DN	26	362	Nguyễn Quang Hòa
8	1	Gia cố và sửa chữa kết cấu BTCT	2	30	30		D21X1DN	26	161	Trương Quang Hải
9	1	Động lực học công trình	2	30	30		D21X1DN	26		
10	1	Công trình trên nền đất yếu	2	30	30		D21X1DN	26		
11	1	Nền móng trong điều kiện đặc biệt	2	30	30		D21X1DN	26		
12	1	Kết cấu bê tông cốt thép đặc biệt	2	30	30		D21X1DN	26		
13	1	Thi công Nhà nhiều tầng	2	30	30		D21X1DN	26		
14	1	Thi công công trình ngầm	2	30	30		D21X1DN	26		
15	1	Thiết kế Biện pháp thi công hố móng sâu	2	30	30		D21X1DN	26		
16	1	Tin học ứng dụng 3 (Ms Project)	2	45	15	30	D21X1DN	26	319	Đoàn Huỳnh Thuận
17	1	Tin học ứng dụng 4 (BIM-XD-KC)	2	45	15	30	D21X1DN	26		
18	2	Tổ chức thi công	3	45	45		D21X1DN	26	404	Phạm Đăng Khoa
19	2	ĐA. Tổ chức thi công	2	60		60	D21X1DN	26	404	Phạm Đăng Khoa
20	2	Thực tập cuối khóa (XD)	2	322	2	320	D21X1DN	26		Nhóm GV BMKTXD-KTr
21	2	Chuyên đề tốt nghiệp (KS_XDDD&CN)	2	45	15	30	D21X1DN	26		Nhóm GV BMKTXD-KTr
		Tự chọn (chọn 6/18 tín chỉ)								
22	2	Kết cấu nhà BTCT nhiều tầng	2	30	30		D21X1DN	26	362	Nguyễn Quang Hòa
23	2	Nguyên lý quy hoạch đô thị	2	30	30		D21X1DN	26		
24	2	Tính toán Công trình chịu tải trọng động đất	2	30	30		D21X1DN	26		
25	2	Kết cấu công trình thép đặc biệt	2	30	30		D21X1DN	26		
26	2	Quản lý chất lượng công trình	2	30	30		D21X1DN	26		
27	2	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	2	30	30		D21X1DN	26		
28	2	Tin học ứng dụng 5 (BIM-XD-TC)	2	45	15	30	D21X1DN	26		
29	2	Đấu thầu và thanh quyết toán công trình	2	45	15	30	D21X1DN	26	137	Ngô Đình Châu
30	2	Quản lý dự án xây dựng	2	30	30		D21X1DN	26	340	Lê Hữu Tính
		Tổng giờ,Thi, Xét KQHT	**61**	**1352**	**752**	**600**	**D21X1DN**	**26**		

TT	Tên học phần	HỌC KỲ I																						
		7	8					9				10				11					12			
		27	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	02	09	16	23	30	07	14	21	28
		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		22	29	05	12	19	26	02	09	16	23	30	07	14	21	28	04	11	18	25	02	09	16	23
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
1	Anh văn chuyên ngành (Kỹ thuật)	ghép D21X1DN-D23X2DN									6		6	6	6	6						T	T	T
2	Kỹ thuật thi công 2				15	15		15														T	T	T
3	ĐA. Kỹ thuật thi công 2							15				15				T								
4	Pháp luật và Kinh tế xây dựng	ghép D21X1DN-D23X1DN											15			15			15			T	T	T
5	An toàn và môi trường trong xây dựng				15							15					T							
6	Tham quan công trình (XD)																			40				
	Tự chọn (chọn 6/22 tín chỉ)																							
7	Kết cấu bê tông cốt thép ứng lực trước					3	9		3	3	6		3	3							T			
8	Gia cố và sửa chữa kết cấu BTCT					6	6		3	3	6		3	3			T							
9	Động lực học công trình																							
10	Công trình trên nền đất yếu																							
11	Nền móng trong điều kiện đặc biệt																							
12	Kết cấu bê tông cốt thép đặc biệt																							
13	Thi công Nhà nhiều tầng																							
14	Thi công công trình ngầm																							
15	Thiết kế Biện pháp thi công hố móng sâu																							
16	Tin học ứng dụng 3 (Ms Project)								15	15					15			T						
17	Tin học ứng dụng 4 (BIM-XD-KC)																							
18	Tổ chức thi công																							
19	ĐA. Tổ chức thi công																							
20	Thực tập cuối khóa (XD)																							
21	Chuyên đề tốt nghiệp (KS_XDDD&CN)																							
	Tự chọn (chọn 6/18 tín chỉ)																							
22	Kết cấu nhà BTCT nhiều tầng																							
23	Nguyên lý quy hoạch đô thị																							
24	Tính toán Công trình chịu tải trọng động đất																							
25	Kết cấu công trình thép đặc biệt																							
26	Quản lý chất lượng công trình																							
27	Hệ thống kỹ thuật trong công trình																							
28	Tin học ứng dụng 5 (BIM-XD-TC)																							
29	Đấu thầu và thanh quyết toán công trình																							
30	Quản lý dự án xây dựng																						8	7
	Tổng giờ,Thi, Xét KQHT				**30**	**24**	**15**	**30**	**21**	**21**	**18**	**30**	**27**	**12**	**21**	**T**	**T**	**T**	**15**	**40**	**T**		**8**	**7**

TT	Tên học phần	HỌC KỲ II																						HỌC KỲ HÈ					
		1				2				3					4				5					6				7		
		04	11	18	25	01	08	15	22	01	08	15	22	29	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19
		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		30	06	13	20	27	03	10	17	24	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	02	09	16	23	30	07	14
		24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52
1	Anh văn chuyên ngành (Kỹ thuật)																													
2	Kỹ thuật thi công 2																													
3	ĐA. Kỹ thuật thi công 2																													
4	Pháp luật và Kinh tế xây dựng																													
5	An toàn và môi trường trong xây dựng																													
6	Tham quan công trình (XD)																													
	Tự chọn (chọn 6/22 tín chỉ)																													
7	Kết cấu bê tông cốt thép ứng lực trước																													
8	Gia cố và sửa chữa kết cấu BTCT																													
9	Động lực học công trình																													
10	Công trình trên nền đất yếu																													
11	Nền móng trong điều kiện đặc biệt																													
12	Kết cấu bê tông cốt thép đặc biệt																													
13	Thi công Nhà nhiều tầng																													
14	Thi công công trình ngầm																													
15	Thiết kế Biện pháp thi công hố móng sâu																													
16	Tin học ứng dụng 3 (Ms Project)																													
17	Tin học ứng dụng 4 (BIM-XD-KC)																													
18	Tổ chức thi công	9	9	9				6	4	5	3					T														
19	ĐA. Tổ chức thi công							5	10	5	5	10	10	10	5															
20	Thực tập cuối khóa (XD)																TT	TT	TT	TT	TT	TT	TT	TT						
21	Chuyên đề tốt nghiệp (KS_XDDD&CN)							4	5		12	8		8	8															
	Tự chọn (chọn 6/18 tín chỉ)																													
22	Kết cấu nhà BTCT nhiều tầng	8	4	4				3	3		4	4				T														
23	Nguyên lý quy hoạch đô thị																													
24	Tính toán Công trình chịu tải trọng động đất																													
25	Kết cấu công trình thép đặc biệt																													
26	Quản lý chất lượng công trình																													
27	Hệ thống kỹ thuật trong công trình																													
28	Tin học ứng dụng 5 (BIM-XD-TC)																													
29	Đấu thầu và thanh quyết toán công trình									15			15				15													
30	Quản lý dự án xây dựng		8	7				T																						
	Tổng giờ,Thi, Xét KQHT	**17**	**21**	**20**				**18**	**22**	**25**	**24**	**22**	**25**	**18**	**13**	**T**	**TT**	**TT**	**TT**	**TT**	**TT**	**TT**	**TT**	**TT**						

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè.

THÔNG TIN LỚP HỌC

D21X1DN **Bậc: Đại học;** **Khóa: D21;** **Kỹ thuật xây dựng;** **Ngành:** **C.Ngành: XD Dân dụng và Công nghiệp;**

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

TT	Học kỳ	Tên học phần	Số TC	Số tiết TS	Số tiết LT	Số tiết TH	Lớp	Số SV (HT)	Mã GV	Tên Giảng viên
1	1	Kết cấu nhà bêtông cốt thép	3	45	45		D22X1DN	42	362	Nguyễn Quang Hòa
2	1	Thực tập thiết kế kết cấu nhà BTCT	2	60		60	D22X1DN	42	362	Nguyễn Quang Hòa
3	1	Thí nghiệm và kiểm định công trình	2	60		60	D22X1DN	42	161	Trương Quang Hải
4	1	Địa kỹ thuật	3	60	30	30	D22X1DN	42		Lương Tấn Lực (gvtg - kết hợp thuê thí nghiệm)
5	1	Thí nghiệm Địa kỹ thuật	1	30		30	D22X1DN	42		Lương Tấn Lực (gvtg - Kết hợp thuê thí nghiệm)
6	1	Kết cấu thép	3	60	30	30	D22X1DN	42	525	Lê Công Duy
7	1	Dự Toán	3	60	30	30	D22X1DN	42	340	Lê Hữu Tính
8	2	Kết cấu nhà thép	3	45	45		D22X1DN	42	525	Lê Công Duy
9	2	Thực tập thiết kế kết cấu nhà thép	1	30		30	D22X1DN	42	525	Lê Công Duy
10	2	Thực hành nghề nghiệp (XD)	2	160		160	D22X1DN	42		V.Chư + Th.Trung
11	2	Nền và móng	3	45	45		D22X1DN	42	392	Huỳnh Ngọc Hào
12	2	ĐA. Nền và móng	1	30		30	D22X1DN	42	392	Huỳnh Ngọc Hào
13	2	Máy xây dựng	2	30		30	D22X1DN	42	421	Nguyễn Hoàng Phúc
14	2	Kỹ thuật thi công 1	3	45	45		D22X1DN	42	134	Ngô Ngọc Cường
15	2	ĐA. Kỹ thuật thi công 1	2	60		60	D22X1DN	42	134	Ngô Ngọc Cường
		Tổng giờ,Thi, Xét KQHT	34	820	270	550	D22X1DN	42		

TT	HỌC KỲ I																						
	7	8					9				10				11					12			
	22-27	29-03	05-10	12-17	19-24	26-31	02-07	09-14	16-21	23-28	30-05	07-12	14-19	21-26	28-02	04-09	11-16	18-23	25-30	02-07	09-14	16-21	23-28
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
1				6	6	6	6	6	6	6	3							T					
2												8	8	8	8	8	8	12				T	T
3				6	6	6	6	6	6	6	6	6	6									T	T
4	ghép D22X1-D			6	6	6	6	6	6	6	6	6	6							T			
5														15	15								
6				6	6	6	6	6	6	6	6	6	6										
7	bố trí cuối HK1 đầu HK2, dư kiến đi 3 đợt + 1 đợt online															15	15		15		15		T
8																							
9																							
10	ghép D22X1-D23QX1																						
11																							
12																							
13	Bố trí vào cuối HK1 đầu HK2 để ghép 03 lớp D22X1-D23X2-D23QX1																			15		15	
14																							
15																							
Tổng				24	24	24	24	24	24	24	21	26	26	23	23	23	23	12	15	T	15	15	T

TT	HỌC KỲ II																							HỌC KỲ HÈ					
	1				2				3					4				5					6				7		
	30-04	06-11	13-18	20-25	27-01	03-08	10-15	17-22	24-01	03-08	10-15	17-22	24-29	31-05	07-12	14-19	21-26	28-03	05-10	12-17	19-24	26-31	02-07	09-14	16-21	23-28	30-05	07-12	14-19
	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52
1																													
2																													
3																													
4																													
5																													
6																													
7																													
8	8	8	8				8	7	6				T																
9											6	8		8	8		T	T	T										
10																				40	40	40	40						
11	8	4	4				8	4	7	6	4						T	T	T										
12										6	4	8		6	6		T	T	T										
13								T																					
14	8	4	4				8	4	7	6	4		T				T	T	T										
15									5	5	5	5	10	10	10	10													
Tổng	24	16	16				24	15	25	23	23	21	10	24	24	10	T	T	T	40	40	40	40						

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè.

THÔNG TIN LỚP HỌC

D22X1DN **Bậc: Đại học;** **Khóa: D22;** **Kỹ thuật xây dựng;** **Ngành:** **C.Ngành: XD Dân dụng và Công nghiệp;**

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

3

TT	Học kỳ	Tên học phần	Số TC	Số tiết			Lớp	Số SV (HT)	Mã GV	Tên Giảng viên
				TS	LT	TH				
1	1	Đồ án tốt nghiệp (XD)	10	600		600	D22X2DN	12		Nhóm GV BMKTXD-KTr
2	1	Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ (AV3/6)					D22X2DN	12		
3	1	Chuẩn đầu ra CNTT (CCCNTTCB)					D22X2DN	12		
		Tổng giờ,Thi, Xét KQHT	**10**	**600**		**600**	**D22X2DN**	**12**		

TT	HỌC KỲ I																							HỌC KỲ II		
	7	8					9				10				11					12				1		
	27	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	02	09	16	23	30	07	14	21	28	04	11	18
	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	22	29	05	12	19	26	02	09	16	23	30	07	14	21	28	04	11	18	25	02	09	16	23	30	06	13
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
1			DK	HD	HD	HD	HD	HD	HD	HD	HD	HD	HD	HD	HD	HD	HD	HD	PB	BV	TN					
2																										
3																										
			DK	**HD**	**HD**	**HD**	**HD**	**HD**	**HD**	**HD**	**HD**	**HD**	**HD**	**HD**	**HD**	**HD**	**HD**	**HD**	**PB**	**BV**	**TN**					

TT	HỌC KỲ II																				HỌC KỲ HÈ					
	1	2				3					4				5					6				7		
	25	01	08	15	22	01	08	15	22	29	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19
	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	20	27	03	10	17	24	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	02	09	16	23	30	07	14
	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52
1																										
2																										
3																										

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè.

THÔNG TIN LỚP HỌC

D22X2DN **Bậc: Đại học;** **Khóa: D22_LT;** **Kỹ thuật xây dựng;** **Ngành:** **C.Ngành: XD Dân dụng và Công nghiệp;**

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

TT	Học kỳ	Tên học phần	Số TC	Số tiết TS	Số tiết LT	Số tiết TH	Lớp	Số SV (HT)	Mã GV	Tên Giảng viên	HỌC KỲ I	HỌC KỲ II	HỌC KỲ HÈ
1	1	Xác suất thống kê	2	30	30		D23X1DN	29	236	Đoàn Văn Hiệp	ghép D24LQC1DN-D23X1DN		
2	1	Sức bền vật liệu 2	2	30	30		D23X1DN	29	359	Phan Công Bàn			
3	1	Cơ học kết cấu 1	3	60	30	30	D23X1DN	29	359	Phan Công Bàn			
4	1	Vật liệu xây dựng	2	30	30		D23X1DN	29	160	Lê Văn Trí	ghép D23X1DN-D24QXC1DN		
5	1	Thí nghiệm Vật liệu xây dựng	1	30		30	D23X1DN	29	160	Lê Văn Trí			
6	1	Điện kỹ thuật	2	30	30		D23X1DN	29	310	Lê Văn Khôi			
7	1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	30		D23X1DN	29		Trần Quốc Huy - gvtg	ghép lớp D23X1-D23K1-K2DN		
8	1	Tin học ứng dụng 1 (Autocad)	2	45	15	30	D23X1DN	29	392	Huỳnh Ngọc Hào			
9	1	Giáo dục thể chất 3	1*	30*		30*	D23X1DN	29	458	Diệp Minh Đông			
10	1	Cấu tạo kiến trúc	3	60	30	30	D23X1DN	29	397	Tạ Kim Sơn			
11	2	Cơ học kết cấu 2	2	30	30		D23X1DN	29	359	Phan Công Bàn			
12	2	Tin học ứng dụng 2 (Sap và Etab)	2	60		60	D23X1DN	29	525	Lê Công Duy			
13	2	Kiến trúc công trình	2	30	30		D23X1DN	29	397	Tạ Kim Sơn			
14	2	ĐA. Kiến trúc công trình	1	30		30	D23X1DN	29	397	Tạ Kim Sơn			
15	2	Kết cấu bê tông cốt thép	4	75	45	30	D23X1DN	29	158	Nguyễn Minh Tuấn Anh			
16	2	ĐA. Kết cấu BTCT	1	30		30	D23X1DN	29	158	Nguyễn Minh Tuấn Anh			
17	2	Trắc địa	2	30	30		D23X1DN	29	181	Lê Văn Thái	ghép 2 lớp D23X1-D24QXC1		
18	2	Thực tập trắc địa 1	1	30		30	D23X1DN	29	181	Lê Văn Thái	ghép 2 lớp D23X1-D24QXC1		
19	1	Cấp thoát nước	2	30	30		D23X1DN	29	177	Nguyễn Thế Hùng	ghép D22QX1DN+D23X1DN		
20	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	30		D23X1DN	29		Nguyễn Văn Nam - gvtg	ghép 3 lớp D23X1-D22QX1-D21K1K2		
21	2	Giáo dục thể chất 4	2*	60*		60*	D23X1DN	29	458	Diệp Minh Đông			
		Tổng giờ,Thi, Xét KQHT	**38**	**720**	**420**	**300**	D23X1DN	**29**					

TT	7	8					9				10				11				12			
	27	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	02	09	16	23	30	07	14	21
	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	22	29	05	12	19	26	02	09	16	23	30	07	14	21	28	04	11	18	25	02	09	16
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
1									6	6		6	6		6				T			
2											6	6	6	6	6				T			
3				8	8	8	8	8	8	8	4							T				
4																		8	7		8	7
5																		8	7		8	7
6														15		15				T		
7																				8	8	8
8				8	8	8	4	4	4	4	5							T				
9				3	3	3	3	3	3	3	3	3	3				T					
10				4	4	4	8	8	4	4	8	8	8							T		
11																						
12																						
13																						
14																						
15																						
16																						
17																						
18																						
19																15	15					
20																				6	6	6
21																						
Tổng giờ,Thi, Xét KQHT				**23**	**23**	**23**	**23**	**23**	**25**	**25**	**26**	**23**	**23**	**21**	**12**	**30**	**15**	**16**	**14**	**14**	**30**	**28**

TT	1				2				3				4				5				6	7		
	04	11	18	25	01	08	15	22	01	08	15	22	05	12	19	26	03	10	17	24	07	14	21	28
	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	30	06	13	20	27	03	10	17	24	03	10	17	31	07	14	21	28	05	12	19	26	09	16	23
	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47
1																								
2																								
3																								
4	T																							
5	T																							
6																								
7		T																						
8																								
9																								
10																								
11			6				6	6	6	6				T										
12			8				8	8	8	8	8	8	4								T			
13			6				6	6	6	6				T										
14															6	6	6	6	6			T		
15									4	4	12	12	12		8	12		11					T	
16															5	5	5	5	5		5			
17																	15		15				T	
18																				30				
19																								
20	6	T																						
21							8	8	4	4	8	8	8		8	4					T	T	T	
Tổng giờ,Thi, Xét KQHT	**6**		**20**				**28**	**28**	**28**	**28**	**28**	**28**	**24**	**T**	**27**	**27**	**26**	**22**	**26**	**30**	**5**			

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè.

THÔNG TIN LỚP HỌC

D23X1DN **Bậc: Đại học;** **Khóa: D23;** **Kỹ thuật xây dựng;** **Ngành:** **C.Ngành: XD Dân dụng và Công nghiệp;**

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

TT	Học kỳ	Tên học phần	Số TC	Số tiết TS	Số tiết LT	Số tiết TH	Lớp	Số SV (HT)	Mã GV	Tên Giảng viên	HỌC KỲ I	HỌC KỲ II	HỌC KỲ HÈ
1	1	Máy xây dựng	2	30	30		**D23X2DN**	13	421	Nguyễn Hoàng Phúc	Bố trí vào cuối HK1 đầu HK2 để ghép 03 lớp D22X1-D23X2-D23QX1		
2	1	Kỹ thuật thi công 1	3	45	45		**D23X2DN**	13	404	Phạm Đăng Khoa			
3	1	ĐA. Kỹ thuật thi công 1	2	60		60	**D23X2DN**	13	404	Phạm Đăng Khoa			
4	1	Thực tập thiết kế kết cấu nhà thép	1	30		30	**D23X2DN**	13	525	Lê Công Duy			
5	1	Anh văn chuyên ngành (Kỹ thuật)	2	30	30		**D23X2DN**	13	460	Lê Thị Thanh Nhung	ghép D21X1DN-D23X2DN		
6	1	Thí nghiệm và kiểm định công trình	2	60		60	**D23X2DN**	13	158	Nguyễn Minh Tuấn Anh			
7	1	Kỹ thuật thi công 2	3	45	45		**D23X2DN**	13	404	Phạm Đăng Khoa			
8	1	ĐA. Kỹ thuật thi công 2	1	30		30	**D23X2DN**	13	404	Phạm Đăng Khoa			
9	1	Giáo dục thể chất 4	2*	60*		60*	**D23X2DN**	13	458	Diệp Minh Đông	ghép D23X2-D23CD2 (hbs)		
10	1	Pháp luật và kinh tế xây dựng	3	45	45		**D23X2DN**	13	371	Võ Lê Duy Khánh	ghép D21X1DN-D23X1DN		
11	2	ĐA. Tổ chức thi công	2	60		60	**D23X2DN**	13	404	Phạm Đăng Khoa			
12	2	Chuyên đề tốt nghiệp (KS_XDDD&CN)	2	45	15	30	**D23X2DN**	13		Đ.Khoa + Q.Hoà			
13		**Tự chọn (Sinh viên chọn 8/16TC)**											
14	2	Kết cấu nhà BTCT nhiều tầng	2	30	30		**D23X2DN**	13	362	Nguyễn Quang Hòa			
15	2	Thi công nhà nhiều tầng	2*	30	30		**D23X2DN**	13					
16	2	Tin học ứng dụng 3 (Ms Project)	2	45	15	30	**D23X2DN**	13	404	Phạm Đăng Khoa			
17	2	Quản lý dự án xây dựng	2	30	30		**D23X2DN**	13	340	Lê Hữu Tính	ghép 2 lớp D23X2DN - D23K2DN bắt đầu đầu HK2 cuối HK1		
18	2	Gia cố và sửa chữa kết cấu BTCT	2*				**D23X2DN**	13					
19	2	Đấu thầu và thanh quyết toán công trình	2	45	15	30	**D23X2DN**	13	137	Ngô Đình Châu	ghép 2 lớp D23X2-D23CD2 học 2 tuần sau Tết Al		
20	2	Nguyên lý quy hoạch đô thị	2*				**D23X2DN**	13					
21	2	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	2*				**D23X2DN**	13					
		Tổng giờ,Thi, Xét KQHT	**31**	**660**	**330**	**330**	**D23X2DN**	**13**					

TT	Tuần 7	Tuần 8	Tuần 9	Tuần 10	Tuần 11	Tuần 12	Tuần 1	Tuần 2	Tuần 3	Tuần 4	Tuần 5	Tuần 6	Tuần 7
1						15 15	T						
2				12 12 12	6 3			T					
3					10 10	5 5	10 10 10						
4				8 8	4 4 3 3			T					
5				3 3	3 3	3 3		T					
6				4 4	8 4 9 8	4 3			12 4				
7									3 11	12 12 7	T		
8											10 10 10		
9									3 3	3 3 4 4 4	8 12 8 8	T	
10				15 15	15 15		T						
11											10 10 10 10 10 10		
12										8 8 8 8 8 5		T T T	
13													
14										6 6 3 6 6 3 T			
15													
16										7 7 8 8 5 4 3 3			
17					15 15		T						
18													
19										15 15 15 T			
20													
21													
				27 27 27	**30 27 25 29 23**	**27 21 21 T**	**10 28 28**		**28 28 29 28 28 30 28**	**25 26 27 29**	**21 8 5**	**BS BS BS**	BS BS BS BS BS BS

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè.

THÔNG TIN LỚP HỌC

D23X2DN **Bậc: Đại học;** **Khóa: D23_LT;** **Ngành: Kỹ thuật xây dựng;** **C.Ngành: XD Dân dụng và Công nghiệp;**

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

TT	Học kỳ	Tên học phần	Số TC	Số tiết TS	Số tiết LT	Số tiết TH	Lớp	Số SV (HT)	Mã GV	Tên Giảng viên	HỌC KỲ I	HỌC KỲ II	HỌC KỲ HÈ
1	1	Giải tích 1	2	30	30		D24XDK1DN	30	236	Đoàn Văn Hiệp	ghép lớp D24XDK1DN-D24QXC1DN		
2	1	Giáo dục thể chất 1	1*	30*		30*	D24XDK1DN	30	458	Diệp Minh Đông			
3	1	Vật lý đại cương	3	45	45		D24XDK1DN	30	345	Nguyễn Bá Phi	ghép D24XDK1DN-D24TDK1DN học song song		
4	1	Đại số tuyến tính	2	30	30		D24XDK1DN	30	236	Đoàn Văn Hiệp	ghép lớp D24QXC1DN-D24XDK1DN-D24CDK1DN		
5	1	Triết học Mác - Lênin	3	45	45		D24XDK1DN	30		Đặng Quang Vinh - gvtg	ghép lớp D24XDK1DN-D24QXC1DN		
6	1	Tiếng Anh B1.1	3	45	45		D24XDK1DN	30	460	Lê Thị Thanh Nhung	ghép lớp D24XDK-D23QX1		
7	1	Công nghệ thông tin cơ bản	2	45	15	30	D24XDK1DN	30	461	Lâm Thị Hậu			
8	1	Cơ học cơ sở	3	60	30	30	D24XDK1DN	30	525	Lê Công Duy	ghép D24XDK1DN-D24CDK1DN		
9	2	Giải tích 2	2	30	30		D24XDK1DN	30	245	Đào Văn Dương	ghép D24XDK-D24CDK1		
10	2	Sức bền vật liệu 1	3	60	30	30	D24XDK1DN	30	359	Phan Công Bản	ghép lớp D24XDK1DN-D24CDK1DN		
11	2	Giáo dục thể chất 2	1*	30*		30*	D24XDK1DN	30	458	Diệp Minh Đông			
12	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	30		D24XDK1DN	30		Nguyễn Văn Nam - gvtg	ghép lớp D24XDK1-D23QX1-D22K1		
13	2	Pháp luật đại cương	2	30	30		D24XDK1DN	30		Phan Thị Nhật Tài - gvtg	ghép lớp D24XDK-D24QXC		
14	2	Hình họa - Vẽ kỹ thuật	3	45	45		D24XDK1DN	30	226	Huỳnh Thúc Linh	ghép D24XDK1DN-D24QXC1DN-D24CDK1DN		
15	2	Tiếng Anh B1.2	3	45	45		D24XDK1DN	30	460	Lê Thị Thanh Nhung	ghép lớp D24XDK-D23QX1		
16	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30		D24XDK1DN	30		Trần Quốc Huy - gvtg	ghép lớp D24XDK1-D23QX1-D22K1		
17	2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1	2.5*	45*	37*	8*	D24XDK1DN	30					
18	2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2	2*	30*	22*	8*	D24XDK1DN	30					
19	2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3	1.5*	30*	14*	16*	D24XDK1DN	30					
20	2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4	2*	60*	4*	56*	D24XDK1DN	30					
		Tổng giờ,Thi, Xét KQHT	**35**	**570**	**480**	**90**	D24XDK1DN	**30**					

TT	7	8						9				10				11				12			
	27	03	10	17	24	31		07	14	21	28	05	12	19	26	02	09	16	23	30	07	14	21	28
	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	22	29	05	12	19	26		02	09	16	23	30	07	14	21	28	04	11	18	25	02	09	16	23
	1	2	3	4	5	6		7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
1										6	6		6	6		6					T	T	T	
2										6	3	6	3	3	6	3					T	T	T	
3	ghép D24XDK1DN-D24TDK1DN học song song															12	12		12	9	T	T	T	
4	ghép lớp D24QXC1DN-D24XDK1DN-D24CDK1DN																						9	6
5	ghép lớp D24XDK1DN-D24QXC1DN									6	6	6	6	6	6	6	3							
6	ghép lớp D24XDK-D23QX1									8	4	4	4	4	4		4	4	6	3	T	T	T	
7												4	4	4	4			4		8			4	9
8	ghép D24XDK1DN-D24CDK1DN									3	6	6	6	6	6	3	6	9	3	6				
9	ghép D24XDK-D24CDK1																				6	6		6
10	ghép lớp D24XDK1DN-D24CDK1DN																							
11																								
12	ghép lớp D24XDK1-D23QX1-D22K1																							
13	ghép lớp D24XDK-D24QXC																							
14	ghép D24XDK1DN-D24QXC1DN-D24CDK1DN																							
15	ghép lớp D24XDK-D23QX1																							
16	ghép lớp D24XDK1-D23QX1-D22K1																							
17																								
18																								
19																								
20																								
Tổng giờ										**29**	**25**	**26**	**29**	**29**	**26**	**30**	**25**	**17**	**21**	**26**	**6**	**6**	**13**	**21**

TT	1				2				3				4				5				6				7		
	04	11	18	25	01	08	15	22	01	08	15	22	29	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19
	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	30	06	13	20	27	03	10	17	24	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	02	09	16	23	30	07	14
	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52
1																													
2																													
3																													
4							T																						
5																													
6																													
7	4		T																										
8	T																												
9	6		6				T																						
10										6	6	6	6	6	6	6	6	6	6						T				
11		3	3					3	3	3	3	3	3	3	3										T	T	T		
12								3	3	3	3	3	3	3	3		6								T				
13							3	3	3	3	3	3	3			6	3												
14															12	12		12	9							T			
15									4	4	4	4	4	4	4	4	4	3	3	3						T			
16											3	3	3	3	3	3	3	3	3	3					T				
17																													
18																													
19																													
20																													
Tổng giờ	**10**	**12**	**15**				**3**	**9**	**13**	**19**	**22**	**22**	**22**	**19**	**31**	**31**	**22**	**24**	**21**	**6**									

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè.

THÔNG TIN LỚP HỌC

D24XDK1DN **Bậc: Đại học;** **Khóa: D24;** **Ngành: Kỹ thuật xây dựng;** **C.Ngành: XD Dân dụng và Công nghiệp;**

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

TT	Học kỳ	Tên học phần	Số TC	Số tiết TS	Số tiết LT	Số tiết TH	Lớp	Số SV (HT)	Mã GV	Tên Giảng viên
	1	Đồ án tốt nghiệp (CĐ)	10	600		600	D20CD1DN	7		
	1	Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ (AV3/6)					D20CD1DN	7		
	1	Chuẩn đầu ra CNTT (CCCNTTCB)					D20CD1DN	7		
		Tổng giờ,Thi, Xét KQHT	**10**	**600**		**600**	**D20CD1DN**	**7**	SV	

Tên học phần	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
Học kỳ	HỌC KỲ I																						
Tháng	7	8					9				10				11					12			
Từ	27	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	02	09	16	23	30	07	14	21	28
Đến	22	29	05	12	19	26	02	09	16	23	30	07	14	21	28	04	11	18	25	02	09	16	23
Đồ án tốt nghiệp (CĐ)			DK	HD	HD	HD	HD	HD	HD	HD	HD	HD	HD	HD	HD	HD	HD	HD	PB	BV	TN		
Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ (AV3/6)																							
Chuẩn đầu ra CNTT (CCCNTTCB)																							
Tổng giờ,Thi, Xét KQHT			**DK**	**HD**	**HD**	**HD**	**HD**	**HD**	**HD**	**HD**	**HD**	**HD**	**HD**	**HD**	**HD**	**HD**	**HD**	**HD**	**PB**	**BV**	**TN**		

Tên học phần	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52
Học kỳ	HỌC KỲ II																							HỌC KỲ HÈ					
Tháng	1				2				3					4				5					6				7		
Từ	04	11	18	25	01	08	15	22	01	08	15	22	29	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19
Đến	30	06	13	20	27	03	10	17	24	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	02	09	16	23	30	07	14
Đồ án tốt nghiệp (CĐ)																													
Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ (AV3/6)																													
Chuẩn đầu ra CNTT (CCCNTTCB)																													
Tổng giờ,Thi, Xét KQHT																													

THÔNG TIN LỚP HỌC

D20CD1DN **Bậc: Đại học;** **Khóa: D20;** **Ngành: Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông;** **C.Ngành: Xây dựng cầu đường;**

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

TT	Học kỳ	Tên học phần	Số TC	Số tiết			Lớp	Số SV (HT)	Mã GV	Tên Giảng viên
				TS	LT	TH				
1	1	Đồ án tốt nghiệp (CĐ)	10	600		600	D22CD2DN	11		
2	1	Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ (AV3/6)					D22CD2DN	11		
3	1	Chuẩn đầu ra CNTT (CCCNTTCB)					D22CD2DN	11		
		Tổng giờ,Thi, Xét KQHT	**10**	**600**		**600**	**D22CD2DN**	**11**		

TT	HỌC KỲ I																						
	7	8					9				10				11					12			
	27 - 22	03 - 29	10 - 05	17 - 12	24 - 19	31 - 26	07 - 02	14 - 09	21 - 16	28 - 23	05 - 30	12 - 07	19 - 14	26 - 21	02 - 28	09 - 04	16 - 11	23 - 18	30 - 25	07 - 02	14 - 09	21 - 16	28 - 23
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
1			DK	HD	HD	HD	HD	HD	HD	HD	HD	HD	HD	HD	HD	HD	HD	HD	PB	BV	TN		
2																							
3																							
			DK	**HD**	**HD**	**HD**	**HD**	**HD**	**HD**	**HD**	**HD**	**HD**	**HD**	**HD**	**HD**	**HD**	**HD**	**HD**	**PB**	**BV**	**TN**		

TT	HỌC KỲ II																						HỌC KỲ HÈ					
	1				2				3					4				5					6				7		
	04 - 30	11 - 06	18 - 13	25 - 20	01 - 27	08 - 03	15 - 10	22 - 17	01 - 24	08 - 03	15 - 10	22 - 17	29 - 24	05 - 31	12 - 07	19 - 14	26 - 21	03 - 28	10 - 05	17 - 12	24 - 19	31 - 26	07 - 02	14 - 09	21 - 16	28 - 23	05 - 30	12 - 07	19 - 14
	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52
1																													
2																													
3																													

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè.

THÔNG TIN LỚP HỌC

D22CD2DN **Bậc: Đại học;** **Khóa: D22_LT;** **Ngành: Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông;** **C.Ngành: Xây dựng cầu đường;**

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

TT	Học kỳ	Tên học phần	Số TC	Số tiết			Lớp	Số SV (HT)	Mã GV	Tên Giảng viên	HỌC KỲ I																							HỌC KỲ II																							HỌC KỲ HÈ					
											7	8					9				10				11					12				1				2				3					4				5					6				7		
											27 - 22	03 - 29	10 - 05	17 - 12	24 - 19	31 - 26	07 - 02	14 - 09	21 - 16	28 - 23	05 - 30	12 - 07	19 - 14	26 - 21	02 - 28	09 - 04	16 - 11	23 - 18	30 - 25	07 - 02	14 - 09	21 - 16	28 - 23	04 - 30	11 - 06	18 - 13	25 - 20	01 - 27	08 - 03	15 - 10	22 - 17	01 - 24	08 - 03	15 - 10	22 - 17	29 - 24	05 - 31	12 - 07	19 - 14	26 - 21	03 - 28	10 - 05	17 - 12	24 - 19	31 - 26	07 - 02	14 - 09	21 - 16	28 - 23	05 - 30	12 - 07	19 - 14
				TS	LT	TH					1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52
	1	Thiết kế Cầu bê tông cốt thép 2	2	30	30		D23CD2DN	11	274	Nguyễn Kim Cường	tổ chức 02hp song song												11	11	8				T																																	
	1	Thiết kế Cầu thép	3	45	45		D23CD2DN	11	274	Nguyễn Kim Cường													15	15	15					T																																
	1	ĐA. Thiết kế cầu thép	1	30		30	D23CD2DN	11	274	Nguyễn Kim Cường																	15				15																															
	1	Thi công Đường 2	2	30	30		D23CD2DN	11	273	Lê Đức Quân																	15		15							T																										
	1	Hầm giao thông	3	60	30	30	D23CD2DN	11	411	Phan Trần Thanh Trúc	bố trí cùng lúc 2hp																													15	15		15	15				T														
	1	Tổ chức thi công	2	30	30		D23CD2DN	11		Tr.Nguyên+Th.Vũ	bố trí cuối HK1 đầu HK2 với ĐA.TC Đường																							15	15	T																										
	1	Thi công Cầu 2	2	30	30		D23CD2DN	11	277	Vũ Quang Thuận	tổ chức 3hp trong 2 đợt ra, số tiết còn lại online																			15		15																														
	1	Dự toán	2	45	15	30	D23CD2DN	11	272	Đinh Văn Vinh																22		23																																		
	2	Thực hành kiểm định đường	1	30		30	D23CD2DN	11	382	Nguyễn Thanh Vũ	tổ chức 02hp THKĐĐ-ĐA.TCĐ song song																																			15				15												
	2	ĐA. Thi công cầu	1	30		30	D23CD2DN	11	277	Vũ Quang Thuận	tổ chức 2hp trong 2 đợt ra																			15		15																														
	2	Thực hành kiểm định cầu	1	30		30	D23CD2DN	11	277	Vũ Quang Thuận	tổ chức 2hp trong 2 đợt ra																						30																													
	2	Đấu thầu và thanh quyết toán công trình	2	45	15	30	D23CD2DN	11	137	Ngô Đình Châu	ghép 2 lớp D23X2-D23CD2 học 2 tuần sau Tết Al																															15			15				15							T						
	2	ĐA. Thi công đường	1	30		30	D23CD2DN	11	382	Nguyễn Thanh Vũ	tổ chức 02hp THKĐĐ-ĐA.TCĐ song song																																			15				15												
	2	Chuyên đề tốt nghiệp (XDCĐ)	2	45	15	30	D23CD2DN	11		Nguyễn Sĩ Vinh+ Nguyễn	dạy song song cùng đợt với HP đường sắt																																								22			23								
		Tự chọn (Sinh viên chọn 8/20TC)																																																												
	2	Ổn định mái dốc và tường chắn	2	30	30		D23CD2DN	11	386	Lê Thị Cát Tường																																					15		15													
	2	Bảo dưỡng sửa chữa đường	2	30	30		D23CD2DN	11																																																						
	2	Học máy (Machine learning)	2	45	15	30	D23CD2DN	11	274	Nguyễn Kim Cường	tổ chức 02hp song song																				15			15	15	T																										
	2	Sửa chữa và tăng cường cầu	2	30	30		D23CD2DN	11	411	Phan Trần Thanh Trúc	bố trí cùng lúc 2hp																													8	7		8	7				T														
	2	Hệ thống giao thông thông minh	2*	30	30		D23CD2DN	11																																																						
	2	Đường sắt	2	30	30		D23CD2DN	11	391	Nguyễn Sĩ Vinh	dạy song song cùng đợt CĐTN D23CD2																																									15	15			T						
	2	Đường sân bay	2*	30	30		D23CD2DN	11																																																						
	2	Công trình trên nền đất yếu	2*	30	30		D23CD2DN	11																																																						
	2	Kỹ năng Giao tiếp và làm việc nhóm	2*	30	30		D23CD2DN	11																																																						
	2	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2*	30	30		D23CD2DN	11																																																						
		Tổng giờ,Thi, Xét KQHT		**825**	**90**		**D23CD2DN**	**11**															**26**	**26**	**23**	**22**	**30**	**23**	**15**	**30**	**30**	**30**	**30**	**30**	**30**					**23**	**22**	**15**	**23**	**22**	**15**	**30**	**15**	**T**	**30**	**30**	**22**	**15**	**15**	**23**	**BS**		**BS**	**BS**	**BS**	**BS**	**BS**	**BS**

THÔNG TIN LỚP HỌC

D23CD2DN **Bậc: Đại học;** **Khóa: D23_LT;** **Ngành: Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông;** **C.Ngành: Xây dựng cầu đường;**

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

TT	Học kỳ	Tên học phần	Số TC	Số tiết			Lớp	Số SV (HT)	Mã GV	Tên Giảng viên
				TS	LT	TH				
1	1	Pháp luật xây dựng	1	15	15		**D21QX1DN**	9	281	Nguyễn Nguyên Khang
2	1	Marketing trong xây dựng	2	30	30		**D21QX1DN**	9		Nguyễn T Bích Thủy -gvtg
3	1	Kiểm toán vốn đầu tư xây dựng	2	30	30		**D21QX1DN**	9	210	Vương Thị Thùy Dương
4	1	Quản lý khai thác dự án	2	30	30		**D21QX1DN**	9	197	Trịnh Văn Cần
5	1	Tin học ứng dụng ngành Quản lý xây dựng	2	45	15	30	**D21QX1DN**	9	371	Võ Lê Duy Khánh
6	1	Quản lý dự án Bất động sản	2	30	30		**D21QX1DN**	9	507	(TG) Khoa Kinh tế
7	1	Quản lý chi phí thực hiện dự án	2	30	30		**D21QX1DN**	9	201	Trần Thị Thiềm
8		**Tự chọn (chọn 2/6 TC)**								
9	1	Kế hoạch SXKD trong Doanh nghiệp xây dựng	2	30	30		**D21QX1DN**	9		
10	1	Quy hoạch xây dựng	2	30	30		**D21QX1DN**	9	214	Nguyễn Hữu Ninh
11	1	Thị trường bất động sản	2	30	30		**D21QX1DN**	9		
12	2	Thực tập cuối khóa (QLXD)	2	320		320	**D21QX1DN**	9	490	Nhóm GV KTE
13	2	Đồ án tốt nghiệp (QLXD)	10	480		480	**D21QX1DN**	9	490	Nhóm GV KTE
14	2	Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ (AV3/6)					**D21QX1DN**	9		
15	2	Chuẩn đầu ra CNTT (CCCNTTCB)					**D21QX1DN**	9		
		Tổng giờ,Thi, Xét KQHT	**31**	**1100**	**270**	**830**	**D21QX1DN**	**9**		

HỌC KỲ I

TT	7	8						9				10				11				12			
	27	03	10	17	24	31		07	14	21	28	05	12	19	26	02	09	16	23	30	07	14	21	28
	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	22	29	05	12	19	26		02	09	16	23	30	07	14	21	28	04	11	18	25	02	09	16	23
	1	2	3	4	5	6		7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
1				15								T												
2					6	6		6	6	6		T												
3																		15		15	T	T	T	
4					15				15												T	T	T	
5													15			15			15		T	T	T	
6						8		7		8	7										T	T	T	
7											15			15							T	T	T	
8																								
9																								
10														4	11			8	7		T	T	T	
11																								
12																								
13																								
14																								
15																								
				15	**21**	**14**		**13**	**21**	**14**	**22**	**T**	**15**	**19**	**11**	**15**		**23**	**22**	**15**				

HỌC KỲ II

TT	1				2				3				4				5				6	7	
	04	11	18	25	01	08	15	22	01	08	15	22	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14
	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	30	06	13	20	27	03	10	17	24	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	02
	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46
1							ghép D21QX1DN-D21K1-K2DN trong HK1 và dạy cả hp QLDA ĐTXD																
2																							
3																							
4							bố trí song song với ĐMXD D22QX1 nhịp đầu, nhịp tiếp theo vào ĐA và QLCLCTR D22QX1																
5							ghép D21QX1DN-D22QX1DN																
6																							
7							ghép 2 lớp D21QX1DN-D22QX1DN dạy cùng đợt với hp Kinh tế học D24QXC1DN																
8																							
9																							
10																							
11																							
12	TT	TT	TT				TT	TT	TT	TT	TT												
13												HD	HD	HD	HD	HD	HD	HD	HD	HD	HD	HD	HD
14																							
15																							

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè.

THÔNG TIN LỚP HỌC

D21QX1DN **Bậc: Đại học;** **Khóa: D20.;** **Ngành: Quản lý xây dựng;** **C.Ngành: Quản lý xây dựng;**

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

TT	Học kỳ	Tên học phần	Số TC	Số tiết TS	Số tiết LT	Số tiết TH	Lớp	Số SV (HT)	Mã GV	Tên Giảng viên	HỌC KỲ I	HỌC KỲ II	HỌC KỲ HÈ
1	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	30		D22QX1DN	14		Nguyễn Văn Nam - gvtg		ghép 3 lớp D23X1-D22QX1-D21K1K2	
2	1	Cấp thoát nước	2	30	30		D22QX1DN	14	177	Nguyễn Thế Hùng		ghép D22QX1DN+D23X1DN	
3	1	Định mức xây dựng	2	30	30		D22QX1DN	14	197	Trịnh Văn Cần		bố trí song song với ĐMXD D22QX1 nhịp đầu, nhịp tiếp theo vào ĐA và QLCLCTR D22QX1	
4	1	ĐA. Định mức xây dựng	1	30		30	D22QX1DN	14	197	Trịnh Văn Cần		bố trí song song với ĐMXD D22QX1 nhịp đầu, nhịp tiếp theo vào ĐA và QLCLCTR D22QX1	
5	1	Đo bóc và kiểm soát khối lượng công trình xây d	2	45	15	30	D22QX1DN	14	371	Võ Lê Duy Khánh		đẩy sớm hơn so với 4hp mà thầy Khánh nhận	
6	1	Quản lý chi phí thực hiện dự án	2	30	30		D22QX1DN	14	201	Trần Thị Thiềm		ghép 2 lớp D21QX-D22QX dạy cùng đợt với hp Kinh tế học D24QXC	
7	1	Quản lý dự án Bất động sản	2	30	30		D22QX1DN	14	507	(TG) Khoa Kinh tế			
8		**Tự chọn (chọn 2/6 TC)**											
9	1	Quản trị tài chính Doanh nghiệp xây dựng	2*	30	30		D22QX1DN	14					
10	1	Quản lý rủi ro thực hiện dự án	2*	30	30		D22QX1DN	14					
11	1	An toàn và môi trường lao động	2	30	30		D22QX1DN	14	404	Phạm Đăng Khoa			
12	2	Anh văn chuyên ngành (QLXD - KTXD)	2	30	30		D22QX1DN	14		Nguyễn Thị Bích Thủy - gv	ghép D22QX1-D22K1		
13	2	Định giá trong xây dựng	2	30	30		D22QX1DN	14	201	Trần Thị Thiềm			
14	1	Tin học ứng dụng ngành Quản lý xây dựng	2	45	15	30	D22QX1DN	14	371	Võ Lê Duy Khánh	ghép D21QX1DN-D22QX1DN		
15	2	Thực hành nghề nghiệp (XD)	2	160		160	D22QX1DN	14		V.Chư + Th.Trung	ghép D22X1-D23QX1		
16	2	Quản lý chất lượng Công trình xây dựng	2	30	30		D22QX1DN	14	197	Trịnh Văn Cần	bố trí song song với ĐMXD D22QX1 nhịp đầu, nhịp tiếp theo vào ĐA và QLCLCTR D22QX1		
17	2	Quản lý nhà nước trong hoạt động xây dựng	2	30	30		D22QX1DN	14	281	Nguyễn Nguyên Khang			
18		**Tự chọn (chọn 2/6 TC)**											
19	2	Quản trị nhân sự trong Doanh nghiệp xây dựng	2*	30	30		D22QX1DN	14					
20	2	Quản lý thông tin dự án	2	30	30		D22QX1DN	14	210	Vương Thị Thùy Dương	tổ chức 03hp kết hợp đầu HK2 làm 2 đợt ra		
21	2	Quy hoạch xây dựng	2*	30	30		D22QX1DN	14					
		Tổng giờ,Thi, Xét KQHT	**29**	**730**	**480**	**250**	D22QX1DN	**14**					

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè.

THÔNG TIN LỚP HỌC

D22QX1DN **Bậc: Đại học;** **Khóa: D22;** **Ngành: Quản lý xây dựng;** **C.Ngành: Quản lý xây dựng;**

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

TT	Học kỳ	Tên học phần	Số TC	Số tiết TS	Số tiết LT	Số tiết TH	Lớp	Số SV (HT)	Mã GV	Tên Giảng viên	HỌC KỲ I	HỌC KỲ II	HỌC KỲ HÈ
1	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	30		**D23QX1DN**	8		Nguyễn Văn Nam - gvtg	ghép lớp D24XDK1-D23QX1-D22K1		
2	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30		**D23QX1DN**	8		Trần Quốc Huy - gvtg	ghép lớp D24XDK1-D23QX1-D22K1		
3	1	Máy xây dựng	2	30	30		**D23QX1DN**	8	421	Nguyễn Hoàng Phúc	Bố trí vào cuối HK1 đầu HK2 để ghép 03 lớp D22X1-D23X2-D23QX1		
4	1	Nền và móng	3	45	45		**D23QX1DN**	8	392	Huỳnh Ngọc Hào			
5	1	Tiếng Anh B1.1	3	45	45		**D23QX1DN**	8	460	Lê Thị Thanh Nhung	ghép lớp D24XDK-D23QX1		
6	1	Cấu tạo kiến trúc	3	45	45		**D23QX1DN**	8	397	Tạ Kim Sơn			
7	1	ĐA. Cấu tạo kiến trúc	1	30		30	**D23QX1DN**	8	219	Ngô Minh Tân			
8	1	Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2	30	30		**D23QX1DN**	8	281	Nguyễn Nguyên Khang			
9	1	Giáo dục thể chất 3	1*	30*		30*	**D23QX1DN**	8	458	Diệp Minh Đông	ghép D23QX1		
10	2	Giáo dục thể chất 4	2*	60*		60*	**D23QX1DN**	8	458	Diệp Minh Đông	ghép D23QX1-D23K1		
11	2	ĐA. Kết cấu BTCT	1	30		30	**D23QX1DN**	8	158	Nguyễn Minh Tuấn Anh			
12	1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	30		**D23QX1DN**	8		Trần Quốc Huy - gvtg	ghép lớp D23X1-D23QX1-D21K1K2		
13	2	Kinh tế xây dựng	3	45	45		**D23QX1DN**	8	210	Vương Thị Thùy Dương	tổ chức 03hp kết hợp đầu HK2 làm 2 đợt ra		
14	2	BTL Kinh tế xây dựng	1	30		30	**D23QX1DN**	8	210	Vương Thị Thùy Dương	tổ chức 03hp kết hợp đầu HK2 làm 2 đợt ra		
15	2	Kết cấu công trình	3	45	45		**D23QX1DN**	8	362	Nguyễn Quang Hòa	ghép D23QX1DN+D23K1DN		
16	2	Tiếng Anh B1.2	3	45	45		**D23QX1DN**	8	460	Lê Thị Thanh Nhung	ghép lớp D24XDK-D23QX1		
17	2	Kỹ thuật thi công công trình	3	45	45		**D23QX1DN**	8	319	Đoàn Huỳnh Thuận			
18	2	ĐA. Kỹ thuật thi công Công trình	1	30		30	**D23QX1DN**	8	319	Đoàn Huỳnh Thuận			
		Tổng giờ,Thi, Xét KQHT	**35**	**585**	**465**	**120**	**D23QX1DN**	**8**					

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè.

THÔNG TIN LỚP HỌC

D23QX1DN **Bậc: Đại học;** **Khóa: D23;** **Ngành: Quản lý xây dựng;** **C.Ngành: Quản lý xây dựng;**

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

TT	Học kỳ	Tên học phần	Số TC	Số tiết TS	Số tiết LT	Số tiết TH	Lớp	Số SV (HT)	Mã GV	Tên Giảng viên	HỌC KỲ I	HỌC KỲ II	HỌC KỲ HÈ
1	1	Giải tích 1	2	30	30		D24QXC1DN	20	236	Đoàn Văn Hiệp	ghép lớp D24XDK1DN-D24QXC1DN		
2	1	Thực hành tin học văn phòng	1	30		30	D24QXC1DN	20	461	Lâm Thị Hậu			
3	1	Đại số tuyến tính	2	30	30		D24QXC1DN	20	236	Đoàn Văn Hiệp	ghép lớp D24QXC1DN-D24XDK1DN-D24CDK1DN		
4	2	Pháp luật đại cương	2	30	30		D24QXC1DN	20		Phan Thị Nhật Tài - gvtg	ghép lớp D24XDK-D24QXC		
5	1	Kinh tế học	2	30	30		D24QXC1DN	20	201	Trần Thị Thiềm	tổ chức dạy cùng đợt với hp QLCPTHDA		
6	1	Cơ học cơ sở	2	30	30		D24QXC1DN	20	525	Lê Công Duy			
7	2	Hình họa - Vẽ kỹ thuật	3	45	45		D24QXC1DN	20	226	Huỳnh Thúc Linh	ghép D24XDK1DN-D24QXC1DN-D24CDK1DN		
8	1	Giáo dục thể chất 1	1*	30*		30*	D24QXC1DN	20	458	Diệp Minh Đông	ghép lớp D24QXC-D24KTR-D24KNT		
9	1	Công nghệ thông tin cơ bản	2	45	15	30	D24QXC1DN	20	461	Lâm Thị Hậu	ghép lớp D24QXC-D24CDK		
10	2	Cơ học công trình	3	45	45		D24QXC1DN	20	359	Phan Công Bản			
11	1	Địa kỹ thuật	3	60	30	30	D24QXC1DN	20		Lương Tấn Lực (gvtg - kết	ghép D22X1-D24QXC1		
12	2	Tin học ứng dụng (Autocad)	2	45	15	30	D24QXC1DN	20	392	Huỳnh Ngọc Hào			
13	2	Vật liệu xây dựng	2	30	30		D24QXC1DN	20	160	Lê Văn Trí	ghép D23X1DN-D24QXC1DN		
14	2	Trắc địa	2	30	30		D24QXC1DN	20	181	Lê Văn Thái	ghép 2 lớp D23X1-D24QXC1		
15	2	Thực tập trắc địa	1	30		30	D24QXC1DN	20	181	Lê Văn Thái	ghép 2 lớp D23X1-D24QXC1		
16	2	Giáo dục thể chất 2	1*	30*		30*	D24QXC1DN	20	458	Diệp Minh Đông	ghép lớp D24QXC-D24KTR-D24KNT		
17	1	Triết học Mác - Lênin	3	45	45		D24QXC1DN	20		Đặng Quang Vinh - gvtg	ghép lớp D24XDK1DN-D24QXC1DN		
18		**Tự chọn (chọn 2/6 TC)**											
19	2	Kỹ năng Giao tiếp và làm việc nhóm	2	30	30		D24QXC1DN	20	370	Nguyễn Thị Cúc	ghép lớp D24QXC-D24TMC-D24TDK		
20	2	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2	30	30		D24QXC1DN	20	1655		dạy song hành cùng hp quản trị học		
21	2	Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh	2	30	30		D24QXC1DN	20	586		học song hành cùng kt vĩ mô		
22	2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1	2.5*	45*	37*	8*	D24QXC1DN	20					
23	2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2	2*	30*	22*	8*	D24QXC1DN	20					
24	2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3	1.5*	30*	14*	16*	D24QXC1DN	20					
25	2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4	2*	60*	4*	56*	D24QXC1DN	20					
		Tổng giờ,Thi, Xét KQHT	**38**	**645**	**495**	**150**	D24QXC1DN	**20**					

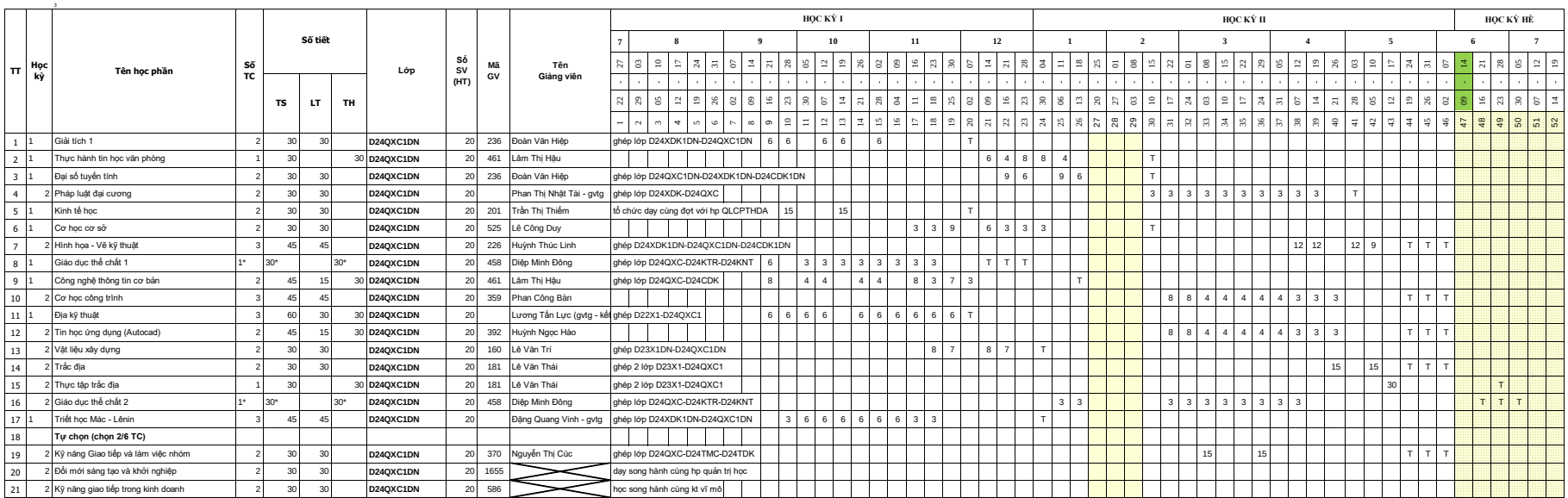

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè.

THÔNG TIN LỚP HỌC

D24QXC1DN **Bậc: Đại học;** **Khóa: D24;** **Ngành: Quản lý xây dựng;** **C.Ngành: Quản lý xây dựng;**

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

TT	Học kỳ	Tên học phần	Số TC	Số tiết			Lớp	Số SV (HT)	Mã GV	Tên Giảng viên
				TS	LT	TH				
1	1	Thực tập cuối khóa (KTr_19)	10	640		640	**D20K1DN**	7	397	Tạ Kim Sơn
2	2	Đồ án tốt nghiệp (Kiến trúc)	10	640		640	**D20K1DN**	7		Nhóm GV KTR
3	2	Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ (AV3/6)					**D20K1DN**	7		
4	2	Chuẩn đầu ra CNTT (CCCNTTCB)					**D20K1DN**	7		
		Tổng giờ,Thi, Xét KQHT	**20**	**1280**		**1280**	**D20K1DN**	**7**	SV	

TT	HỌC KỲ I																							HỌC KỲ II		
	7	8					9				10				11					12				1		
	27 - 22	03 - 29	10 - 05	17 - 12	24 - 19	31 - 26	07 - 02	14 - 09	21 - 16	28 - 23	05 - 30	12 - 07	19 - 14	26 - 21	02 - 28	09 - 04	16 - 11	23 - 18	30 - 25	07 - 02	14 - 09	21 - 16	28 - 23	04 - 30	11 - 06	18 - 13
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
1				TT	TT	TT	TT	TT	TT	TT	TT	TT	TT	TT	TT	TT	TT	TT	TT	TT	TT	TT	TT			
2																								DK	HD	HD
3																										
4																										
Tổng																								**DK**	**HD**	**HD**

TT	HỌC KỲ II																				HỌC KỲ HÈ					
	1	2				3					4				5					6				7		
	25 - 20	01 - 27	08 - 03	15 - 10	22 - 17	01 - 24	08 - 03	15 - 10	22 - 17	29 - 24	05 - 31	12 - 07	19 - 14	26 - 21	03 - 28	10 - 05	17 - 12	24 - 19	31 - 26	07 - 02	14 - 09	21 - 16	28 - 23	05 - 30	12 - 07	19 - 14
	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52
1																										
2				HD	HD	HD	HD	HD	HD	HD	HD	HD	HD	HD	HD	HD	PB	BV	TN							
3																										
4																										
Tổng				**HD**	**HD**	**HD**	**HD**	**HD**	**HD**	**HD**	**HD**	**HD**	**HD**	**HD**	**HD**	**HD**	**PB**	**BV**	**TN**							

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè.

THÔNG TIN LỚP HỌC

D20K1DN **Bậc: Đại học;** **Khóa: D20;** **Ngành: Kiến trúc;** **C.Ngành: Kiến trúc công trình;**

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

TT	Học kỳ	Tên học phần	Số TC	Số tiết TS	Số tiết LT	Số tiết TH	Lớp	Số SV (HT)	Mã GV	Tên Giảng viên
1	1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	30		D21K1DN-K2DN	13		Trần Quốc Huy - gvtg
2	2	Tham quan công trình (KTR)	1	40		40	D21K1DN-K2DN	13	357	Phan Hữu Sang
3	1	Chuyên đề Kết cấu mới	2	30	30		D21K1DN-K2DN	13	525	Lê Công Duy
4	1	ĐA. Chuyên ngành kiến trúc 9	3	90		90	D21K1DN-K2DN	13	397	Tạ Kim Sơn
5	1	ĐA. Chuyên ngành kiến trúc 10	3	90		90	D21K1DN-K2DN	13	215	Ngô Đức Quý
6	1	Tin học chuyên ngành kiến trúc 2 (Revit 2)	2	45	15	30	D21K1DN-K2DN	13	400	Võ Hoàng Vũ
7	1	Pháp luật xây dựng	1	15	15		D21K1DN-K2DN	13	281	Nguyễn Nguyên Khang
8	2	Chuyên đề tốt nghiệp (KTR)	2	60		60	D21K1DN-K2DN	13	358	Lê Tiến Vinh
9	2	Chuyên đề kiến trúc	2	30	30		D21K1DN-K2DN	13	175	Võ Thanh Huy
10	1	Quản lý đô thị	2	30	30		D21K1DN-K2DN	13	171	Trịnh Tiến Dũng
11	2	ĐA. Chuyên ngành kiến trúc 11	4	120		120	D21K1DN-K2DN	13	215	Ngô Đức Quý
12	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	30		D21K1DN-K2DN	13		Nguyễn Văn Nam - gvtg
		Tổng giờ,Thi, Xét KQHT	**26**	**610**	**180**	**430**	**D21K1DN-K2DN**	**13**		

HỌC KỲ I

TT	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
Tháng	7	8					9				10				11					12			
Từ	27	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	02	09	16	23	30	07	14	21	28
Đến	22	29	05	12	19	26	02	09	16	23	30	07	14	21	28	04	11	18	25	02	09	16	23
1	ghép lớp D23X1-D23K1-K2DN																				8	8	6
2	ghép lớp D21K1-D23K2																						
3	ghép D21K1DN-D21K2DN-D22K1DN													6		6	6	6	6				
4					10	10	10	10	10	10	10			10		10							
5												30			30					30			
6	tổ chức dạy song s				15		15		15		T												
7	ghép D21QX1			15						T													
8																							
9	ghép D21K1DN-D23K2DN đi cùng 1 đợt với An toàn VSCN																						
10	ghép D23K2																		T			15	15
11																							
12	ghép 3 lớp D23X1-D22QX1-D21K1K2																			6	6	6	6
Tổng				**15**	**25**	**10**	**25**	**10**	**25**	**10**	**10**	**30**		**16**	**30**	**16**	**6**	**6**	**6**	**36**	**14**	**29**	**27**

HỌC KỲ II

TT	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46
Tháng	1				2				3					4				5					6
Từ	04	11	18	25	01	08	15	22	01	08	15	22	29	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07
Đến	30	06	13	20	27	03	10	17	24	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	02
1	8	T	T																				
2													40										
3		T	T																				
4																							
5																							
6																							
7																							
8																			15	15		15	15
9												15			15			T					
10		T	T																				
11								30			30			30			30						
12	6	T	T																				
Tổng	**14**							**30**			**30**	**15**	**40**	**30**	**15**		**30**	**T**	**15**	**15**		**15**	**15**

HỌC KỲ HÈ

TT	47	48	49	50	51	52
Tháng	6			7		
Từ	14	21	28	05	12	19
Đến	09	16	23	30	07	14
1						
2						
3						
4						
5						
6						
7						
8						
9						
10						
11						
12	T					
Tổng						

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè.

THÔNG TIN LỚP HỌC

D21K1DN-K2DN **Bậc: Đại học;** **Khóa: D21;** **Ngành: Kiến trúc;** **C.Ngành: Kiến trúc công trình;**

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

TT	Học kỳ	Tên học phần	Số TC	Số tiết TS	Số tiết LT	Số tiết TH	Lớp	Số SV (HT)	Mã GV	Tên Giảng viên
1	1	Tin học chuyên ngành 1	2	45	15	30	D22K1DN	16	400	Võ Hoàng Vũ
2	2	Anh văn chuyên ngành (Kỹ thuật)	2	30	30		D22K1DN	16	460	Nguyễn Thị Bích Thủy - gv
3	1	Kỹ thuật và Tổ chức thi công	2	30	30		D22K1DN	16	404	Phạm Đăng Khoa
4	1	Cấu tạo kiến trúc 2	2	30	30		D22K1DN	16	225	Võ Huy Dũng
5	1	Nguyên lý quy hoạch đô thị	2	30	30		D22K1DN	16	214	Nguyễn Hữu Ninh
6	1	Chuyên đề Kết cấu mới	2	30	30		D22K1DN	16	525	Lê Công Duy
7	1	ĐA. Kiến trúc 4	2	60		60	D22K1DN	16	219	Ngô Minh Tân
8	1	ĐA. Kiến trúc 5	2	60		60	D22K1DN	16	358	Lê Tiến Vinh
9	1	Thiết kế nhanh kiến trúc 1	1	30		30	D22K1DN	16	358	Lê Tiến Vinh
		Tự chọn (chọn 2/4 tín chỉ)								
10	1	Môi trường và kiến trúc	2*	30	30		D22K1DN	16		
11	1	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30	30		D22K1DN	16	217	Nguyễn Thị Khánh Trang
12	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	30		D22K1DN	16		Nguyễn Văn Nam - gvtg
13	2	Tin học chuyên ngành 2	2	45	15	30	D22K1DN	16	400	Võ Hoàng Vũ
14	2	Trang thiết bị công trình	3	60	30	30	D22K1DN	16	399	Trần Thanh Quý
15	2	Nguyên lý thiết kế nội thất	2	30	30		D22K1DN	16	221	Nguyễn Thị Ái Nương
16	2	Bảo tồn di sản kiến trúc	2	30	30		D22K1DN	16	220	Đinh Ngọc Hòa
17	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30		D22K1DN	16		Trần Quốc Huy - gvtg
18	2	ĐA. Kiến trúc 6	2	60		60	D22K1DN	16	214	Nguyễn Hữu Ninh
19	2	ĐA. Kiến trúc 7	3	90		90	D22K1DN	16	220	Đinh Ngọc Hòa
20	2	Thiết kế nhanh kiến trúc 2	1	30		30	D22K1DN	16	358	Lê Tiến Vinh
		Tổng giờ,Thi, Xét KQHT	**38**	**810**	**390**	**420**	**D22K1DN**	**16**		

HỌC KỲ I

TT	7	8					9				10				11					12			
	27 - 22	03 - 29	10 - 05	17 - 12	24 - 19	31 - 26	07 - 02	14 - 09	21 - 16	28 - 23	05 - 30	12 - 07	19 - 14	26 - 21	02 - 28	09 - 04	16 - 11	23 - 18	30 - 25	07 - 02	14 - 09	21 - 16	28 - 23
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
1	tổ chức dạy song sc				15		15		15	T													
2	ghép D22QX1-D22K1																						
3															3	3	3	3	3	3		12	
4																					15		15
5	ghép D23K2-D22K1												8	7			8	7					
6	ghép D21K1DN-D21K2DN-D22K1DN													6	6		6	6	6				
7				20		20		20															
8											20					20		20					
9									15		15												
Tự chọn																							
10																							
11	ghép D22K1DN + D23K2DN											15			15				T				
12	ghép lớp D24XDK1-D23QX1-D22K1																						
13	ghép D23K2-D22K1																			15	15		15
14																							
15																							
16	ghép D22K1-D23K2												8	7		8	7						
17	ghép lớp D24XDK1-D23QX1-D22K1																						
18	ghép D23K2-D22K1																						
19	ghép lớp D22K1-D23K2																						
20																							
Tổng				**20**	**15**	**20**	**15**	**20**	**30**		**35**	**15**	**16**	**20**	**24**	**31**	**24**	**36**	**9**	**18**	**30**	**12**	**30**

HỌC KỲ II

TT	1				2				3					4				5					6
	04 - 30	11 - 06	18 - 13	25 - 20	01 - 27	08 - 03	15 - 10	22 - 17	01 - 24	08 - 03	15 - 10	22 - 17	29 - 24	05 - 31	12 - 07	19 - 14	26 - 21	03 - 28	10 - 05	17 - 12	24 - 19	31 - 26	07 - 02
	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46
1																							
2								4	4	4	4	4	4	4	2			T					
3		T																					
4																							
5			T																				
6		T																					
7																							
8																							
9																							
Tự chọn																							
10																							
11																							
12								3	3	3	3	3	3	3	3	3	3					T	
13			T																				
14																15	15			15	15		T
15											15			15									
16																							
17											3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			T
18	20		20				20																
19								30				30			30								
20																			15		15		
Tổng	**20**		**20**				**20**	**37**	**7**	**7**	**25**	**40**	**10**	**25**	**38**	**21**	**21**	**3**	**18**	**18**	**30**	**T**	**T**

HỌC KỲ HÈ

TT	6			7		
	14 - 09	21 - 16	28 - 23	05 - 30	12 - 07	19 - 14
	47	48	49	50	51	52
1						
2						
3						
4						
5						
6						
7						
8						
9						
Tự chọn						
10						
11						
12		T				
13						
14						
15						
16						
17						
18						
19						
20						
Tổng	25					

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè.

THÔNG TIN LỚP HỌC

D22K1DN **Bậc: Đại học;** **Khóa: D22;** **Ngành: Kiến trúc;** **C.Ngành: Kiến trúc công trình;**

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

3

TT	Học kỳ	Tên học phần	Số TC	Số tiết TS	Số tiết LT	Số tiết TH	Lớp	Số SV (HT)	Mã GV	Tên Giảng viên
1	1	Tin học ứng dụng 1 (Kiến trúc)	2	45	15	30	**D23K1DN**	19	392	Huỳnh Ngọc Hào
2	1	Lịch sử kiến trúc phương Tây	2	30	30		**D23K1DN**	19	218	Lê Đàm Ngọc Tú
3	1	Vật liệu công trình kiến trúc	2	30	30		**D23K1DN**	19	357	Phan Hữu Sang
4	1	Cơ học công trình	2	30	30		**D23K1DN**	19	359	Phan Công Bàn
5	1	Vật lý kiến trúc	2	30	30		**D23K1DN**	19	219	Ngô Minh Tân
6	1	Cấu tạo kiến trúc 1	4	60	60		**D23K1DN**	19	397	Tạ Kim Sơn
7	1	Nguyên lý kiến trúc công trình Công cộng và Cô	3	45	45		**D23K1DN**	19	397	Tạ Kim Sơn
8	1	ĐA. Kiến trúc 1	2	60		60	**D23K1DN**	19	358	Lê Tiến Vinh
9	1	Giáo dục thể chất 3	1*	30*		30*	**D23K1DN**	19	458	Diệp Minh Đông
10	1	Triết học Mác - Lênin	3	45	45		**D23K1DN**	19		Đặng Quang Vinh - gvtg
11	2	Tin học ứng dụng 2 (Kiến trúc)	2	45	15	30	**D23K1DN**	19	225	Võ Huy Dũng
12	2	Lịch sử kiến trúc phương Đông và Việt Nam	2	30	30		**D23K1DN**	19	396	Trần Trọng Thức
13	2	Kết cấu công trình	3	45	45		**D23K1DN**	19	362	Nguyễn Quang Hòa
14	2	ĐA. Cấu tạo kiến trúc	2	60		60	**D23K1DN**	19	399	Trần Thanh Quý
15	2	Nguyên lý kiến trúc nhà ở	2	30	30		**D23K1DN**	19	478	Ngô Đa Đức
16	2	ĐA. Kiến trúc 2	2	60		60	**D23K1DN**	19	478	Ngô Đa Đức
17	2	ĐA. Kiến trúc 3	2	60		60	**D23K1DN**	19	220	Đinh Ngọc Hòa
18	2	Giáo dục thể chất 4	2*	60*		60*	**D23K1DN**	19	458	Diệp Minh Đông
		Tổng giờ,Thi, Xét KQHT	**37**	**705**	**405**	**300**	**D23K1DN**	**19**		

HỌC KỲ I

TT	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
	7	8					9				10				11					12			
	27 - 22	03 - 29	10 - 05	17 - 12	24 - 19	31 - 26	07 - 02	14 - 09	21 - 16	28 - 23	05 - 30	12 - 07	19 - 14	26 - 21	02 - 28	09 - 04	16 - 11	23 - 18	30 - 25	07 - 02	14 - 09	21 - 16	28 - 23
1					4	4	4	4	4	4	4	4	4	3	3	3						T	
2				15		15					T												
3					6	3	6	6	6	3		T											
4					6	3	6	3	6	6												T	
5															12			12			6		T
6													8	12	8	8	8		8	4	4		T
7																			8	12	8	7	10
8				20		20		20															
9					3	3	3	3	3	6	3	3	3				T						
10									6	6	6	6	6	6	6	3							
11																							
12	ghép D23K1-D23K2																						
13	ghép D23QX1DN+D23K1DN																						
14																							
15																							
16																							
17																							
18	ghép D23QX1-D23K1																						
Tổng				**35**	**19**	**48**	**19**	**36**	**25**	**25**	**13**	**13**	**21**	**21**	**29**	**14**	**8**	**12**	**16**	**16**	**18**	**7**	**10**

HỌC KỲ II

TT	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46
	1				2				3					4				5					6
	04 - 30	11 - 06	18 - 13	25 - 20	01 - 27	08 - 03	15 - 10	22 - 17	01 - 24	08 - 03	15 - 10	22 - 17	29 - 24	05 - 31	12 - 07	19 - 14	26 - 21	03 - 28	10 - 05	17 - 12	24 - 19	31 - 26	07 - 02
1																							
2																							
3																							
4																							
5							ghép D23K1DN-D23K2DN																
6																							
7		T																					
8																							
9							ghép D23QX1-D23K1																
10							ghép lớp D23K1DN-D24CTC1DN-D24CDKDN																
11																			15		15	15	
12								15			15	T											
13										4	4	4	4	4	4	4	3	6	4	4			T
14																15	15			15	15		T
15	15		15				T																
16	20		20				20																
17								20				20			20								
18	4	4	4				4		8	4			4	4	4	4	4	4					
Tổng	**39**	**4**	**39**				**24**	**35**	**8**	**8**	**19**	**24**	**8**	**8**	**28**	**23**	**22**	**10**	**19**	**19**	**30**	**15**	

HỌC KỲ HÈ

TT	47	48	49	50	51	52
	6			7		
	14 - 09	21 - 16	28 - 23	05 - 30	12 - 07	19 - 14
1						
2						
3						
4						
5						
6						
7						
8						
9						
10						
11	T					
12						
13						
14						
15						
16						
17						
18						
Tổng						

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè.

THÔNG TIN LỚP HỌC

D23K1DN **Bậc: Đại học;** **Khóa: D23;** **Ngành: Kiến trúc;** **C.Ngành: Kiến trúc công trình;**

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

TT	Học kỳ	Tên học phần	Số TC	Số tiết TS	Số tiết LT	Số tiết TH	Lớp	Số SV (HT)	Mã GV	Tên Giảng viên	HỌC KỲ I	HỌC KỲ II	HỌC KỲ HÈ
	1	ĐA. Kiến trúc 5	2	60		60	D23K2DN	11	214	Nguyễn Hữu Ninh	Năm 23-24 mang sang; 20 20 20		
	2	ĐA. Kiến trúc 6	2	60		60	D23K2DN	11	214	Nguyễn Hữu Ninh	Năm 23-24 mang sang ghép D22K1DN; 20 20	20 20 20	
	2	Lịch sử kiến trúc phương Đông và Việt Nam	2	30	30		D23K2DN	11	396	Trần Trọng Thức	ghép D23K1-D23K2	15 15	
	1	Tin học chuyên ngành 2	2	45	15	30	D23K2DN	11	400	Võ Hoàng Vũ	ghép D23K2-D22K1; 15 15 15	T	
	1	Nguyên lý quy hoạch đô thị	2	30	30		D23K2DN	11	214	Nguyễn Hữu Ninh	ghép D23K2-D22K1; 8 7 8 7	T	
	1	Vật lý kiến trúc	2	30	30		D23K2DN	11	219	Ngô Minh Tân	ghép D23K1DN-D23K2DN; 12 12 6	T	
	1	Thiết kế nhanh kiến trúc 2	1	30		30	D23K2DN	11	397	Tạ Kim Sơn	5 5 15 5		
	2	ĐA. Kiến trúc 7	3	90		90	D23K2DN	11	220	Đinh Ngọc Hòa	ghép lớp D22K1-D23K2; 30 30 30		
	2	ĐA. Kiến trúc 8	3	90		90	D23K2DN	11	400	Võ Hoàng Vũ	30 30 30		
	1	Môi trường và kiến trúc	2	30	30		D23K2DN	11	179	Tôn Nữ Hồng Thư	15 15 T		
	1	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30	30		D23K2DN	11	217	Nguyễn Thị Khánh Trang	ghép D22K1DN + D23K2DN; 15 15 T		
	1	Bảo tồn di sản kiến trúc	2	30	30		D23K2DN	11	220	Đinh Ngọc Hòa	ghép D22K1-D23K2; 8 7 8 7		
	2	Chuyên đề kiến trúc	1	15	15		D23K2DN	11	175	Võ Thanh Huy	ghép D21K1DN-D23K2DN đi cùng 1 đợt với An toàn VSCN	15	
	2	ĐA. Kiến trúc 9	3	90		90	D23K2DN	11	215	Ngô Đức Quý	30 30		
	2	ĐA. Kiến trúc 10	4	120		120	D23K2DN	11	215	Ngô Đức Quý	chuyển phần còn lại sang năm học 25-26		
	2	Tham quan công trình (KTR)	1	40		40	D23K2DN	11	357	Phan Hữu Sang	ghép lớp D21K1-D23K2; 40		
	2	Chuyên đề tốt nghiệp (KTR)	2	60		60	D23K2DN	11	397	Tạ Kim Sơn	10 10 10 10 10 10		
	2	Thiết kế Đô thị	2	30	30		D23K2DN	11		GVTG	15 15 T		
	2	Quản lý dự án xây dựng	2	30	30		D23K2DN	11	340	Lê Hữu Tính	ghép 2 lớp D23X2DN - D23K2DN bắt đầu đầu HK2 cuối HK1; 15 15 T		
	2	Kiến trúc cảnh quan	2	30	30		D23K2DN	11	354	Trương Anh Bích Châu	15 15		
	1	Quản lý đô thị	2	30	30		D23K2DN	11	171	Trịnh Tiến Dũng	ghép D21K1K2; 15 15 T		
		Tổng giờ,Thi, Xét KQHT	**44**	**850**	**300**	**550**	**D23K2DN**	**11**			**15 36 34 27 8 35 39 15 20 56 20 30**	**35 20 15 45 T 15 60 15 40 30 45 15 30 10 30 30 30 10**	**10 30 10 10 30 10 30 10**

THÔNG TIN LỚP HỌC

D23K2DN **Bậc: Đại học;** **Khóa: D23_LT;** **Ngành: Kiến trúc;** **C.Ngành: Kiến trúc công trình;**

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

TT	Học kỳ	Tên học phần	Số TC	Số tiết TS	Số tiết LT	Số tiết TH	Lớp	Số SV (HT)	Mã GV	Tên Giảng viên	HỌC KỲ I	HỌC KỲ II	HỌC KỲ HÈ
1	1	Hình học họa hình 1	2	30	30		D24KTR1DN	20	219	Ngô Minh Tân	ghép D24KTR1DN-D24KNT1DN		
2	1	Toán cao cấp	2	30	30		D24KTR1DN	20		Nguyễn Bảo Việt - gvtg	ghép D24KTR-D24KNT và mời GVTG tại ĐN		
3	1	Mỹ thuật P1	2	60		60	D24KTR1DN	20	357	Phan Hữu Sang	ghép D24KTR-D24KNT		
4	1	Mỹ thuật P2	2	60		60	D24KTR1DN	20	357	Phan Hữu Sang	ghép D24KTR-D24KNT		
5	1	ĐA. Cơ sở 1	1	30		30	D24KTR1DN	20	397	Tạ Kim Sơn	ghép D24KTR-D24KNT		
6	1	ĐA. Cơ sở 2	1.5	45		45	D24KTR1DN	20	397	Tạ Kim Sơn	ghép D24KTR-D24KNT		
7	1	Giáo dục thể chất 1	1*	30*		30*	D24KTR1DN	20	458	Diệp Minh Đông	ghép lớp D24QXC-D24KTR-D24KNT		
8	1	Tiếng Anh B1.1	3	45	45		D24KTR1DN	20	460	Lê Thị Thanh Nhung	ghép lớp D24KTR-D24KNT-D24CTC		
9	1	Công nghệ thông tin cơ bản	2	45	15	30	D24KTR1DN	20	461	Lâm Thị Hậu	ghép lớp D24KTR-D24KNT		
10		**Tự chọn (chọn 2/4 TC)**											
11	1	Phương pháp luận thiết kế kiến trúc	2	30	30		D24KTR1DN	20					
12	1	Nhập môn kiến trúc và đô thị	2	30	30		D24KTR1DN	20	217	Nguyễn Thị Khánh Trang	ghép D24KTR1+D24KNT1		
13	2	Tiếng Anh B1.2	3	45	45		D24KTR1DN	20	460	Lê Thị Thanh Nhung	ghép lớp D24KTR-D24KNT-D24CTC		
14	2	Pháp luật đại cương	2	30	30		D24KTR1DN	20		Nguyễn Thị Thu Na - gvtg	ghép lớp D24KTR-D24KNT-D24CTC		
15	2	Giáo dục thể chất 2	1*	30*		30*	D24KTR1DN	20	458	Diệp Minh Đông	ghép lớp D24QXC-D24KTR-D24KNT		
16	2	Hình học họa hình 2	2	30	30		D24KTR1DN	20	219	Ngô Minh Tân	ghép D24KTR1DN-D24KNT1DN		
17	2	Mỹ thuật P3	2	60		60	D24KTR1DN	20	357	Phan Hữu Sang	ghép D24KTR-D24KNT		
18	2	Bố cục không gian	3	60	30	30	D24KTR1DN	20	357	Phan Hữu Sang	ghép D24KTR-D24KNT		
19	2	ĐA. Cơ sở 3	1.5	45		45	D24KTR1DN	20	357	Phan Hữu Sang	ghép D24KTR-D24KNT		
20	2	ĐA. Cơ sở 4	1	30		30	D24KTR1DN	20	357	Phan Hữu Sang	ghép D24KTR-D24KNT		
21	2	Vẽ ghi	2	60		60	D24KTR1DN	20	397	Tạ Kim Sơn	ghép D24KTR-D24KNT		
22	2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1	2.5*	45*	37*	8*	D24KTR1DN	20					
23	2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2	2*	30*	22*	8*	D24KTR1DN	20					
24	2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3	1.5*	30*	14*	16*	D24KTR1DN	20					
25	2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4	2*	60*	4*	56*	D24KTR1DN	20					
		Tổng giờ,Thi, Xét KQHT	**36**	**765**	**315**	**450**	D24KTR1DN	**20**					

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè.

THÔNG TIN LỚP HỌC

D24KTR1DN **Bậc: Đại học;** **Khóa: D24;** **Ngành: Kiến trúc;** **C.Ngành: Kiến trúc công trình;**

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

TT	Học kỳ	Tên học phần	Số TC	Số tiết TS	Số tiết LT	Số tiết TH	Lớp	Số SV (HT)	Mã GV	Tên Giảng viên	HỌC KỲ I	HỌC KỲ II	HỌC KỲ HÈ
1	1	Hình học họa hình 1	2	30	30		D24KNT1DN	20	219	Ngô Minh Tân	ghép D24KTR1DN-D24KNT1DN		
2	1	Toán cao cấp	2	30	30		D24KNT1DN	20		Nguyễn Bảo Việt - gvtg	ghép D24KTR-D24KNT và mời GVTG tại ĐN		
3	1	Mỹ thuật P1	2	60		60	D24KNT1DN	20	357	Phan Hữu Sang	ghép D24KTR-D24KNT		
4	1	Mỹ thuật P2	2	60		60	D24KNT1DN	20	357	Phan Hữu Sang	ghép D24KTR-D24KNT		
5	1	ĐA. Cơ sở 1	1	30		30	D24KNT1DN	20	397	Tạ Kim Sơn	ghép D24KTR-D24KNT		
6	1	ĐA. Cơ sở 2	1.5	45		45	D24KNT1DN	20	397	Tạ Kim Sơn	ghép D24KTR-D24KNT		
7	1	Giáo dục thể chất 1	1*	30*		30*	D24KNT1DN	20	458	Diệp Minh Đông	ghép lớp D24QXC-D24KTR-D24KNT		
8	1	Tiếng Anh B1.1	3	45	45		D24KNT1DN	20	460	Lê Thị Thanh Nhung	ghép lớp D24KTR-D24KNT-D24CTC		
9	1	Công nghệ thông tin cơ bản	2	45	15	30	D24KNT1DN	20	461	Lâm Thị Hậu	ghép lớp D24KTR-D24KNT		
10		**Tự chọn (chọn 2/4 TC)**											
11	1	Nhập môn kiến trúc và đô thị	2	30	30		D24KNT1DN	20	217	Nguyễn Thị Khánh Trang	ghép D24KTR1+D24KNT1		
12	1	Phương pháp luận thiết kế kiến trúc	2	30	30		D24KNT1DN	20					
13	2	Tiếng Anh B1.2	3	45	45		D24KNT1DN	20	460	Lê Thị Thanh Nhung	ghép lớp D24KTR-D24KNT-D24CTC		
14	2	Pháp luật đại cương	2	30	30		D24KNT1DN	20		Nguyễn Thị Thu Na - gvtg	ghép lớp D24KTR-D24KNT-D24CTC		
15	2	Giáo dục thể chất 2	1*	30*		30*	D24KNT1DN	20	458	Diệp Minh Đông	ghép lớp D24QXC-D24KTR-D24KNT		
16	2	Hình học họa hình 2	2	30	30		D24KNT1DN	20	219	Ngô Minh Tân	ghép D24KTR1DN-D24KNT1DN		
17	2	Mỹ thuật P3	2	60		60	D24KNT1DN	20	357	Phan Hữu Sang	ghép D24KTR-D24KNT		
18	2	Bố cục không gian	3	60	30	30	D24KNT1DN	20	357	Phan Hữu Sang	ghép D24KTR-D24KNT		
19	2	ĐA. Cơ sở 3	1.5	45		45	D24KNT1DN	20	357	Phan Hữu Sang	ghép D24KTR-D24KNT		
20	2	ĐA. Cơ sở 4	1	30		30	D24KNT1DN	20	357	Phan Hữu Sang	ghép D24KTR-D24KNT		
21	2	Vẽ ghi	2	60		60	D24KNT1DN	20	397	Tạ Kim Sơn	ghép D24KTR-D24KNT		
22	2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1	2.5*	45*	37*	8*	D24KNT1DN	20					
23	2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2	2*	30*	22*	8*	D24KNT1DN	20					
24	2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3	1.5*	30*	14*	16*	D24KNT1DN	20					
25	2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4	2*	60*	4*	56*	D24KNT1DN	20					
		Tổng giờ,Thi, Xét KQHT	**36**	**765**	**315**	**450**	D24KNT1DN	**20**					

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè.

THÔNG TIN LỚP HỌC

D24KNT1DN **Bậc: Đại học;** **Khóa: D24;** **Ngành: Kiến trúc nội thất;** **C.Ngành: Kiến trúc nội thất;**

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

TT	Học kỳ	Tên học phần	Số TC	Số tiết TS	Số tiết LT	Số tiết TH	Lớp	Số SV (HT)	Mã GV	Tên Giảng viên	HỌC KỲ I	HỌC KỲ II	HỌC KỲ HÈ
	1	Triết học Mác - Lênin	3	45	45		**D24CTC1DN**	20*		Đặng Quang Vinh - gvtg	ghép lớp D23K1DN-D24CTC1DN-D24(6 6 6 6 6 6 6 3 T T T		
	2	Pháp luật đại cương	2	30	30		**D24CTC1DN**	20*		Nguyễn Thị Thu Na - gvtg	ghép lớp D24KTR-D24KNT-D24CTC	3 3 3 3 3 3 3 3 3	T T T
	1	Tiếng Anh B1.1	3	45	45		**D24CTC1DN**	20*	460	Lê Thị Thanh Nhung	ghép lớp D24KTR-D24KNT-D24CTC 4 4 4 4 4 4 4 4 6 3 T T T T		
	1	Marketing số	2	30	30		**D24CTC1DN**	20*		Hà Thị Duy Linh - gvtg	ghép D24CTC1DN-D24TDK1DN 6 6 6 6 6		
1	1	Toán cao cấp	3	45	45		**D24CTC1DN**	20*		Nguyễn Bảo Việt - gvtg	ghép D24CTC-D24TDK và mời GVTG tại ĐN 6 6 8 8 8 9 T T		
2	1	Lập trình cơ bản	3	60	30	30	**D24CTC1DN**	20*	638	Nguyễn Xuân Hậu	ghép lớp D24CTC1DN-D24TDK1DN 15 15 15 15 T		
3	1	Giáo dục thể chất 1	1*	30*		30*	**D24CTC1DN**	20*	458	Diệp Minh Đông	ghép D24CTC-D24CDK 3 3 3 3 3 3 3 3 3 T T T T		
4	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	30		**D24CTC1DN**	20*		Nguyễn Văn Nam - gvtg	ghép lớp D24CTC1DN-D24CTC1-D24CDK1DN 3 3 3 3 3 3 3 3 3 3	T T T	
5	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30		**D24CTC1DN**	20*		Trần Quốc Huy - gvtg	ghép lớp D24CTC1-D24TMC1-D24CDK1 3 3 3 3 3 3 6 3 3	T T T	
6	2	Tiếng Anh B1.2	3	45	45		**D24CTC1DN**	20*	460	Lê Thị Thanh Nhung	ghép lớp D24KTR-D24KNT-D24CTC 4 4 4 4 4 4 7 3 3	T T T	
7	1	Kiến trúc máy tính	3	45	45		**D24CTC1DN**	20*	325	Nguyễn Công Bằng	15 15 T T T		
8	2	Toán rời rạc và lý thuyết đồ thị	3	45	45		**D24CTC1DN**	20*		Nguyễn Bảo Việt - gvtg	Mời GVTG nếu ko được báo lại trường chính 8 8 8 8 7 6	T T T	
9	2	Mạng máy tính	3	45	45		**D24CTC1DN**	20*	262	Nguyễn Lê Tín	15 15 15	T T T	
10	2	Cấu trúc dữ liệu và thuật toán	3	60	30	30	**D24CTC1DN**	20*	264	Trần Thái Sơn	ghép ra dạy cùng 1 đợt cho cả 2 lớp 15 15 15 15	T T T	
11	2	Giáo dục thể chất 2	1*	30*		30*	**D24CTC1DN**	20*	458	Diệp Minh Đông	ghép D24CTC-D24CDK 3 3 3 3 3 3 3 3 3	T T T	
12	2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1	2.5*	45*	37*	8*	**D24CTC1DN**	20*					
13	2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2	2*	30*	22*	8*	**D24CTC1DN**	20*					
14	2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3	1.5*	30*	14*	16*	**D24CTC1DN**	20*					
15	2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4	2*	60*	4*	56*	**D24CTC1DN**	20*					
		Tổng giờ,Thi, Xét KQHT	**35**	**555**			**D24CTC1DN**	**20***			**28 13 19 34 40 34 19 16 28 30 14 8 8 9 13 13 17 21 21 21 23 27 31 16 33 21 16 21 21 T T T**		

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè.

THÔNG TIN LỚP HỌC

D24CTC1DN **Bậc: Đại học;** **Khóa: D24;** **Ngành: Công nghệ thông tin;** **C.Ngành: Công nghệ thông tin;**

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

TT	Học kỳ	Tên học phần	Số TC	Số tiết TS	Số tiết LT	Số tiết TH	Lớp	Số SV (HT)	Mã GV	Tên Giảng viên	HỌC KỲ I	HỌC KỲ II	HỌC KỲ HÈ
1	1	Nhập môn ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô	3	60	30	30	**D24COK1DN**	20	2680	Đỗ Văn Dũng	15 12 13 20	Thầy Dũng dạy 10t đầu cho cả 2 lớp, sau đó thầy Đức đảm nhận ghép	
2	1	Giải tích 1	2	30	30		**D24COK1DN**	20	236	Đoàn Văn Hiệp	6 6 6 6 6 T T T T	ghép lớp D24COK1DN-D24COK2DN-D24CDK1DN	
3	1	Vật lý đại cương	3	45	45		**D24COK1DN**	20	345	Nguyễn Bá Phi	12 12 12 9 T T T	ghép D24COK1DN-D24COK2DN-D24CDK1DN	
4	1	Tiếng Anh B1.1	3	45	45		**D24COK1DN**	20	460	Lê Thị Thanh Nhung	8 4 4 4 4 4 4 4 3 3 3 3 T T T	ghép lớp D24COK1-D24COK2	
5	2	Pháp luật đại cương	2	30	30		**D24COK1DN**	20		Phan Thị Nhật Tài - gvtg	ghép lớp D24COK1-D24COK2	3 3 3 3 3 3 3 3 3	T T T
6	1	Triết học Mác - Lênin	3	45	45		**D24COK1DN**	20		Đặng Quang Vinh - gvtg	ghép lớp D24COK1DN-D24COK2DN 6 6 6 6 6 6 3 T T T		
7	1	Vẽ kỹ thuật	3	45	45		**D24COK1DN**	20	399	Trần Thanh Quý	ghép D24COK1-D24COK2 15 15 15 T T T		
8	1	Giáo dục thể chất 1	1*	30*		30*	**D24COK1DN**	20	458	Diệp Minh Đông	ghép D24COK1-D24COK2 3 3 3 3 3 3 3 6 T T T		
9	2	Giải tích 2	2	30	30		**D24COK1DN**	20	245	Đào Văn Dương	ghép lớp D24COK1-D24COK2 6 6 T 6 6 6 T		
10	2	Lập trình cơ bản	3	60	30	30	**D24COK1DN**	20	264	Trần Thái Sơn	ghép 2 lớp D24COK1-D24COK2 15 15 15 15		T T T
11	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	30		**D24COK1DN**	20		Nguyễn Văn Nam - gvtg	ghép lớp D24COK1DN-D24COK2DN-D24QHCDN 3 3 3 3 3 3 3 3 6		T T T
12	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30		**D24COK1DN**	20		Trần Quốc Huy - gvtg	ghép lớp D24COK1-D24COK2 3 3 3 3 3 3 3 3 3 3		T T T
13	2	An toàn lao động và vệ sinh công nghiệp	2	30	30		**D24COK1DN**	20	175	Võ Thanh Huy	ghép 2 lớp D24COK1-D24COK2 15 15		
14	2	Tiếng Anh B1.2	3	45	45		**D24COK1DN**	20	460	Lê Thị Thanh Nhung	ghép lớp D24COK1-D24COK2 4 4 4 4 4 4 4 4 4 3 3 3		T T T
15	2	Kỹ năng Giao tiếp và làm việc nhóm	2	30	30		**D24COK1DN**	20	370	Nguyễn Thị Cúc	ghép lớp D24COK1-D24COK2 15 15		T T T
16	2	Cơ lý thuyết	3	45	45		**D24COK1DN**	20	525	Lê Công Duy	ghép lớp D24COK1-D24COK2 6 6 6 3 6 6 3 3 3 3		T T T
17	2	Giáo dục thể chất 2	1*	30*		30*	**D24COK1DN**	20	458	Diệp Minh Đông	ghép D24COK1-D24COK2 3 6 3 3 3 3 3 3 3		T T T
18	2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1	2.5*	45*	37*	8*	**D24COK1DN**	20					
19	2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2	2*	30*	22*	8*	**D24COK1DN**	20					
20	2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3	1.5*	30*	14*	16*	**D24COK1DN**	20					
21	2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4	2*	60*	4*	56*	**D24COK1DN**	20					
		Tổng giờ,Thi, Xét KQHT	**38**	**600**	**540**	**60**	D24COK1DN	**20**			**38 19 28 31 32 13 46 22 29 30 12 6 6 6**	**15 12 15 9 19 19 31 19 27 34 16 40 25 13 21 21 6**	

THÔNG TIN LỚP HỌC

D24COK1DN **Bậc: Đại học;** **Khóa: D24;** **Ngành: Công nghệ Kỹ thuật ô tô;** **C.Ngành: Công nghệ Kỹ thuật ô tô;**

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

TT	Học kỳ	Tên học phần	Số TC	Số tiết TS	Số tiết LT	Số tiết TH	Lớp	Số SV (HT)	Mã GV	Tên Giảng viên	HỌC KỲ I	HỌC KỲ II	HỌC KỲ HÈ
1	1	Nhập môn ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô	3	60	30	30	**D24COK2DN**	30*	2681	Võ Ngọc Đức	20 20 20	Thầy Dũng dạy 10t đầu cho cả 2 lớp, sau đó thầy Đức đảm nhận ghép	
2	1	Giải tích 1	2	30	30		**D24COK2DN**	30*	236	Đoàn Văn Hiệp	6 6 6 6 6	T T T	ghép lớp D24COK1DN-D24COK2DN-D24CDK1DN
3	1	Vật lý đại cương	3	45	45		**D24COK2DN**	30*	345	Nguyễn Bá Phi	12 12 12 9	T T T	ghép D24COK1DN-D24COK2DN-D24CDK1DN
4	1	Tiếng Anh B1.1	3	45	45		**D24COK2DN**	30*	460	Lê Thị Thanh Nhung	4 4 4 4 4 8 3 6 4	T T T	ghép lớp D24COK1-D24COK2
5	2	Pháp luật đại cương	2	30	30		**D24COK2DN**	30*		Phan Thị Nhật Tài - gvtg	ghép lớp D24COK1-D24COK2	3 3 3 3 3 3 3 3 3	T T T
6	1	Triết học Mác - Lênin	3	45	45		**D24COK2DN**	30*		Đặng Quang Vinh - gvtg	ghép lớp D24COK1DN-D24COK2DN 3 3 9 6 3 9 6 3 3	T T T	
7	1	Vẽ kỹ thuật	3	45	45		**D24COK2DN**	30*	399	Trần Thanh Quý	ghép D24COK1-D24COK2 15 15 15	T T T	
8	1	Giáo dục thể chất 1	1*	30*		30*	**D24COK2DN**	30*	458	Diệp Minh Đông	ghép D24COK1-D24COK2 3 3 3 3 3 6 3 3 3	T T T	
9	2	Giải tích 2	2	30	30		**D24COK2DN**	30*	245	Đào Văn Dương	ghép lớp D24COK1-D24COK2 6 6 6 6 6	T	
10	2	Lập trình cơ bản	3	60	30	30	**D24COK2DN**	30*	264	Trần Thái Sơn	ghép 2 lớp D24COK1-D24COK2	15 15 15 15	T T T
11	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	30		**D24COK2DN**	30*		Nguyễn Văn Nam - gvtg	ghép lớp D24COK1DN-D24COK2DN-D24QHCDN	3 3 3 3 3 3 3 3 6	T T T
12	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30		**D24COK2DN**	30*		Trần Quốc Huy - gvtg	ghép lớp D24COK1-D24COK2	3 3 3 3 3 3 3 3 3 3	T T T
13	2	An toàn lao động và vệ sinh công nghiệp	2	30	30		**D24COK2DN**	30*	175	Võ Thanh Huy	ghép 2 lớp D24COK1-D24COK2	15 15	
14	2	Tiếng Anh B1.2	3	45	45		**D24COK2DN**	30*	460	Lê Thị Thanh Nhung	ghép lớp D24COK1-D24COK2	4 4 4 4 4 4 4 4 3 3 3	T T T
15	2	Kỹ năng Giao tiếp và làm việc nhóm	2	30	30		**D24COK2DN**	30*	370	Nguyễn Thị Cúc	ghép lớp D24COK1-D24COK2	15 15	T T T
16	2	Cơ lý thuyết	3	45	45		**D24COK2DN**	30*	525	Lê Công Duy	ghép lớp D24COK1-D24COK2	6 6 6 3 3 3 3 3 6 3 3	T T T
17	2	Giáo dục thể chất 2	1*	30*		30*	**D24COK2DN**	30*	458	Diệp Minh Đông	ghép D24COK1-D24COK2	3 6 3 3 3 3 3 3 3	T T T
18	2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1	2.5*	45*	37*	8*	**D24COK2DN**	30*					
19	2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2	2*	30*	22*	8*	**D24COK2DN**	30*					
20	2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3	1.5*	30*	14*	16*	**D24COK2DN**	30*					
21	2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4	2*	60*	4*	56*	**D24COK2DN**	30*					
		Tổng giờ,Thi, Xét KQHT	**38**	**600**	**540**	**60**	**D24COK2DN**	**30***			**33 16 31 36 16 16 33 29 32 39 16 9 6 6**	**15 12 15 9 16 12 31 19 34 34 19 40 25 13 21 21 6**	T T T

THÔNG TIN LỚP HỌC

D24COK2DN **Bậc: Đại học;** **Khóa: D24;** **Ngành: Công nghệ Kỹ thuật ô tô;** **C.Ngành: Công nghệ Kỹ thuật ô tô;**

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

TT	Học kỳ	Tên học phần	Số TC	Số tiết TS	Số tiết LT	Số tiết TH	Lớp	Số SV (HT)	Mã GV	Tên Giảng viên	HỌC KỲ I	HỌC KỲ II	HỌC KỲ HÈ
1	1	Triết học Mác - Lênin	3	45	45		**D24QHC1DN**	20		Đặng Quang Vinh - gvtg	ghép lớp D24QHC1DN-D24LQC1DN		
2	2	Pháp luật đại cương	2	30	30		**D24QHC1DN**	20		Nguyễn Thị Thu Na - gvtg	ghép lớp D24LQC-D24TNC-D24QHC		
3	1	Tiếng Anh B1.1	3	45	45		**D24QHC1DN**	20	460	Lê Thị Thanh Nhung	ghép lớp D24QHC-D24LQC		
4	1	Công nghệ thông tin cơ bản	2	45	15	30	**D24QHC1DN**	20	461	Lâm Thị Hậu	ghép lớp D24QHC-D24TNC		
5	1	Xác suất thống kê	2	30	30		**D24QHC1DN**	20	236	Đoàn Văn Hiệp	ghép lớp D24QHC1DN-D24TNC1DN-D		
6	1	Kinh tế vi mô	2	30	30		**D24QHC1DN**	20	586	Đoàn Thị Nhiệm	ghép lớp D24LQC1DN-D24QHC1DN		
7	1	Marketing căn bản	2	30	30		**D24QHC1DN**	20	586	Đoàn Thị Nhiệm	ghép lớp D24LQC1DN-D24QHC1DN-D24TMC1DN		
8	1	Giáo dục thể chất 1	1*	30*		30*	**D24QHC1DN**	20	458	Diệp Minh Đông	ghép D24QHC-D24LQC		
9	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	30		**D24QHC1DN**	20		Nguyễn Văn Nam - gvtg	ghép lớp D24COK1DN-D24COK2DN-D24QHCDN		
10	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30		**D24QHC1DN**	20		Trần Quốc Huy - gvtg	ghép lớp D24QHC-D24TNC-D24CDK		
11	2	Tiếng Anh B1.2	3	45	45		**D24QHC1DN**	20	460	Lê Thị Thanh Nhung	ghép lớp D24QHC-D24LQC		
12	2	Quy hoạch tuyến tính	2	30	30		**D24QHC1DN**	20	245	Đào Văn Dương	ghép D24QHC1DN-D24TNC1DN		
13	2	Kinh tế vĩ mô	2	30	30		**D24QHC1DN**	20	586	Đoàn Thị Nhiệm	ghép lớp D24LQC1DN-D24QHC1DN		
14	2	Quản trị học	2	30	30		**D24QHC1DN**	20	1655	Bùi Thị Thanh Mai	ghép các lớp D24QHC1DN-D24LQC1DN-D24TNC1DN-D24TMC1DN phân làm 2 đợt ra		
15	2	Nguyên lý thống kê	2	30	30		**D24QHC1DN**	20	198	Trần Thị Nguyên Thảo	ghép D24QHC1DN-D24TMC1DN		
16	2	Nguyên lý kế toán	3	45	45		**D24QHC1DN**	20	416	Nguyễn Thị Kim Trọng	ghép D24QHC-D24TNC		
17	2	Giáo dục thể chất 2	1*	30*		30*	**D24QHC1DN**	20	458	Diệp Minh Đông	ghép D24QHC-D24LQC		
18	2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1	2.5*	45*	37*	8*	**D24QHC1DN**	20					
19	2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2	2*	30*	22*	8*	**D24QHC1DN**	20					
20	2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3	1.5*	30*	14*	16*	**D24QHC1DN**	20					
21	2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4	2*	60*	4*	56*	**D24QHC1DN**	20					
		Tổng giờ,Thi, Xét KQHT	**34**	**525**	**495**	**30**	**D24QHC1DN**	**20**					

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè.

THÔNG TIN LỚP HỌC

D24QHC1DN **Bậc: Đại học;** **Khóa: D24;** **Ngành: Quản trị kinh doanh;** **C.Ngành: Quản lý xây dựng;**

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

TT	Học kỳ	Tên học phần	Số TC	Số tiết TS	Số tiết LT	Số tiết TH	Lớp	Số SV (HT)	Mã GV	Tên Giảng viên	HỌC KỲ I	HỌC KỲ II	HỌC KỲ HÈ
1	1	Triết học Mác - Lênin	3	45	45		D24LQC1DN	20		Đặng Quang Vinh - gvtg	ghép lớp D24QHC1DN-D24LQC1DN		
2	2	Pháp luật đại cương	2	30	30		D24LQC1DN	20		Phan Thị Nhật Tài - gvtg	ghép lớp D24LQC-D24TNC-D24QHC		
3	1	Tiếng Anh B1.1	3	45	45		D24LQC1DN	20	460	Lê Thị Thanh Nhung	ghép lớp D24QHC-D24LQC		
4	1	Công nghệ thông tin cơ bản	2	45	15	30	D24LQC1DN	20	461	Lâm Thị Hậu	ghép lớp D24LQC-D24CDK		
5	1	Xác suất thống kê	2	30	30		D24LQC1DN	20	236	Đoàn Văn Hiệp	ghép D24LQC1DN-D23X1DN		
6	1	Kinh tế vi mô	2	30	30		D24LQC1DN	20	586	Đoàn Thị Nhiệm	ghép lớp D24LQC1DN-D24QHC1DN		
7	1	Marketing căn bản	2	30	30		D24LQC1DN	20	586	Đoàn Thị Nhiệm	ghép lớp D24LQC1DN-D24QHC1DN-D24TMC1DN		
8	1	Giáo dục thể chất 1	1*	30*		30*	D24LQC1DN	20	458	Diệp Minh Đông	ghép D24QHC-D24LQC		
9	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	30		D24LQC1DN	20		Nguyễn Văn Nam - gvtg	ghép lớp D24LQC-D24TMC		
10	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30		D24LQC1DN	20		Trần Quốc Huy - gvtg	ghép lớp D24LQC-D24TMC		
11	2	Tiếng Anh B1.2	3	45	45		D24LQC1DN	20	460	Lê Thị Thanh Nhung	ghép lớp D24QHC-D24LQC		
12	2	Quy hoạch tuyến tính	2	30	30		D24LQC1DN	20	245	Đào Văn Dương	riêng 1 lớp ko ghép		
13	2	Kinh tế vĩ mô	2	30	30		D24LQC1DN	20	586	Đoàn Thị Nhiệm	ghép lớp D24LQC1DN-D24QHC1DN		
14	2	Quản trị học	2	30	30		D24LQC1DN	20	1655	Bùi Thị Thanh Mai	ghép các lớp D24QHC1DN-D24LQC1DN-D24TNC1DN-D24TMC1DN phân làm 2 đợt ra		
15	2	Nguyên lý thống kê	2	30	30		D24LQC1DN	20	198	Trần Thị Nguyên Thảo	dạy song song với 2 lớp ghép		
16	2	Nguyên lý kế toán	3	45	45		D24LQC1DN	20	416	Nguyễn Thị Kim Trọng	giữ nguyên nếu sĩ số đông		
17	2	Giáo dục thể chất 2	1*	30*		30*	D24LQC1DN	20	458	Diệp Minh Đông	ghép D24QHC-D24LQC		
18	2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1	2.5*	45*	37*	8*	D24LQC1DN	20					
19	2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2	2*	30*	22*	8*	D24LQC1DN	20					
20	2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3	1.5*	30*	14*	16*	D24LQC1DN	20					
21	2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4	2*	60*	4*	56*	D24LQC1DN	20					
		Tổng giờ,Thi, Xét KQHT	**34**	**525**	**495**	**30**	D24LQC1DN	**20**					

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè.

THÔNG TIN LỚP HỌC

D24LQC1DN **Bậc: Đại học;** **Khóa: D24;** **Ngành: Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng;** **C.Ngành: Kế toán doanh nghiệp;**

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

TT	Học kỳ	Tên học phần	Số TC	Số tiết TS	Số tiết LT	Số tiết TH	Lớp	Số SV (HT)	Mã GV	Tên Giảng viên	HỌC KỲ I	HỌC KỲ II	HỌC KỲ HÈ
1	1	Triết học Mác - Lênin	3	45	45		D24TNC1DN	20		Đặng Quang Vinh - gvtg	ghép lớp D24TNC1DN-D24TMC1DN-D 6 6 6 6 6 6 6 3 T T T		
2	2	Pháp luật đại cương	2	30	30		D24TNC1DN	20		Phan Thị Nhật Tài - gvtg	ghép lớp D24LQC-D24TNC-D24QHC	3 3 3 3 3 3 3 3 3	T T T
3	1	Tiếng Anh B1.1	3	45	45		D24TNC1DN	20	460	Lê Thị Thanh Nhung	ghép lớp D24TNC-D24TMC-D24TDK-D 4 4 4 4 4 4 4 6 4 3 T T T		
4	1	Công nghệ thông tin cơ bản	2	45	15	30	D24TNC1DN	20	461	Lâm Thị Hậu	ghép lớp D24QHC-D24TNC 4 4 4 4 4 4 4 4 3 3 3 T		
5	1	Xác suất thống kê	2	30	30		D24TNC1DN	20	236	Đoàn Văn Hiệp	ghép lớp D24QHC1DN-D24TNC1DN-D 6 6 6 6 6 T		
6	1	Kinh tế vi mô	2	30	30		D24TNC1DN	20	586	Đoàn Thị Nhiệm	ghép lớp D24TNC1DN-D24TMC1DN 9 6 9 6 T T T		
7	1	Giáo dục thể chất 1	1*	30*		30*	D24TNC1DN	20	458	Diệp Minh Đông	ghép D24TNC-D24TMC-D24TDK 3 3 3 3 3 3 3 3 3 T T T		
8	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	30		D24TNC1DN	20		Nguyễn Văn Nam - gvtg	ghép lớp D24QHC-D24TNC 3 3 3 3 3 3 3 3 3 T		
9	2	Kinh tế vĩ mô	2	30	30		D24TNC1DN	20	586	Đoàn Thị Nhiệm	ghép lớp D24TNC1DN-D24TMC1DN 8 7 8 7 T		
10	2	Tiếng Anh B1.2	3	45	45		D24TNC1DN	20	460	Lê Thị Thanh Nhung	ghép lớp D24TNC-D24TMC-D24TDK-D24CDK 4 4 3 4 4 4 4 4 4 6 T		
11	2	Quy hoạch tuyến tính	2	30	30		D24TNC1DN	20	245	Đào Văn Dương	ghép D24QHC1DN-D24TNC1DN 6 6 6 6 6 T		
12	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30		D24TNC1DN	20		Trần Quốc Huy - gvtg	ghép lớp D24QHC-D24TNC-D24CDK 3 3 3 3 3 3 3 6 T		
13	2	Quản trị học	2	30	30		D24TNC1DN	20	1655	Bùi Thị Thanh Mai	ghép các lớp D24QHC1DN-D24LQC1DN-D24TNC1DN-D24TMC1DN phân làm 2 đợt ra 8 7 8 7 T		
14	2	Nhập môn ngành Tài chính - Ngân hàng	2	30	30		D24TNC1DN	20	188	Nguyễn Thị Thu Hiếu	15 15		
15	2	Nguyên lý kế toán	3	45	45		D24TNC1DN	20	416	Nguyễn Thị Kim Trọng	ghép D24QHC-D24TNC 12 12 12 9 T		
16	2	Giáo dục thể chất 2	1*	30*		30*	D24TNC1DN	20	458	Diệp Minh Đông	ghép D24TNC-D24TMC-D24TDK 3 3 3 3 3 3 3 3 3 3 T T T		
17	2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1	2.5*	45*	37*	8*	D24TNC1DN	20					
18	2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2	2*	30*	22*	8*	D24TNC1DN	20					
19	2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3	1.5*	30*	14*	16*	D24TNC1DN	20					
20	2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4	2*	60*	4*	56*	D24TNC1DN	20					
		Tổng giờ,Thi, Xét KQHT	**32**	**495**	**465**	**30**	D24TNC1DN	**20**			**23 23 17 23 28 23 23 23 17 12 7 12 6 T 6**	**13 10 15 14 16 13 32 23 16 31 16 13 26 26 12 20 16**	

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè.

THÔNG TIN LỚP HỌC

D24TNC1DN **Bậc: Đại học;** **Khóa: D24;** **Ngành: Tài chính - Ngân hàng;** **C.Ngành: Quản lý xây dựng;**

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

TT	Học kỳ	Tên học phần	Số TC	Số tiết			Lớp	Số SV (HT)	Mã GV	Tên Giảng viên	HỌC KỲ I																							HỌC KỲ II																							HỌC KỲ HÈ					
				TS	LT	TH					7	8					9				10				11					12				1				2				3					4				5					6				7		
											27-22	03-29	10-05	17-12	24-19	31-26	07-02	14-09	21-16	28-23	05-30	12-07	19-14	26-21	02-28	09-04	16-11	23-18	30-25	07-02	14-09	21-16	28-23	04-30	11-06	18-13	25-20	01-27	08-03	15-10	22-17	01-24	08-03	15-10	22-17	29-24	05-31	12-07	19-14	26-21	03-28	10-05	17-12	24-19	31-26	07-02	14-09	21-16	28-23	05-30	12-07	19-14
											1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52
1	1	Triết học Mác - Lênin	3	45	45		D24TMC1DN	20		Đặng Quang Vinh - gvtg	ghép lớp D24TNC1DN-D24TMC1DN-D								6	6	6	12		6	6	3				T	T	T																														
2	2	Pháp luật đại cương	2	30	30		D24TMC1DN	20		Nguyễn Thị Thu Na - gvtg	ghép lớp D24TMC-D24TDK-D24CDK																													3	3	3	3	3	3	3	3	3	3									T	T	T		
3	1	Tiếng Anh B1.1	3	45	45		D24TMC1DN	20	460	Lê Thị Thanh Nhung	ghép lớp D24TNC-D24TMC-D24TDK-D								4	4	4	4	4	4	4	4	4	6	3	T	T	T																														
4	1	Kinh tế vi mô	2	30	30		D24TMC1DN	20	586	Đoàn Thị Nhiệm	ghép lớp D24TNC1DN-D24TMC1DN												9	6		9	6			T	T	T																														
5	1	Xác suất thống kê	2	30	30		D24TMC1DN	20	236	Đoàn Văn Hiệp	ghép lớp D24QHC1DN-D24TNC1DN-D								6	6		6	6		6					T	T	T																														
6	1	Marketing căn bản	2	30	30		D24TMC1DN	20	586	Đoàn Thị Nhiệm	ghép lớp D24LQC1DN-D24QHC1DN-D24TMC1DN												6	9		6	9			T	T	T																														
7	1	Nguyên lý thống kê	2	30	30		D24TMC1DN	20	198	Trần Thị Nguyên Thảo	ghép D24QHC1DN-D24TMC1DN																					8	7		8	7															T											
8	1	Giáo dục thể chất 1	1*	30*		30*	D24TMC1DN	20	458	Diệp Minh Đông	ghép D24TNC-D24TMC-D24TDK								3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		T	T	T																														
9	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	30		D24TMC1DN	20		Nguyễn Văn Nam - gvtg	ghép lớp D24LQC-D24TMC																							3	3	3				3	3	3			3	3	3	3										T	T	T		
10	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30		D24TMC1DN	20		Trần Quốc Huy - gvtg	ghép lớp D24CTC1-D24TMC1-D24CDK1																							3	3	3									3		3	3	3	3	3	3						T	T	T		
11	2	Tiếng Anh B1.2	3	45	45		D24TMC1DN	20	460	Lê Thị Thanh Nhung	ghép lớp D24TNC-D24TMC-D24TDK-D24CDK																							4	4	4						4			4	4	4	4		4	6	3						T	T	T		
12	2	Kinh tế vĩ mô	2	30	30		D24TMC1DN	20	586	Đoàn Thị Nhiệm	ghép lớp D24TNC1DN-D24TMC1DN																													8	7		8	7				T														
13	2	Quản trị học	2	30	30		D24TMC1DN	20	1655	Bùi Thị Thanh Mai	ghép các lớp D24QHC1DN-D24LQC1DN-D24TNC1DN-D24TMC1DN phân làm 2 đợt ra																																					8	7		8	7					T	T	T		
14	2	Thương mại điện tử căn bản	3	60	30	30	D24TMC1DN	20		Đào Anh Xuân																																							15	15		15	15					T	T	T		
15	2	Kỹ năng Giao tiếp và làm việc nhóm	2	30	30		D24TMC1DN	20	370	Nguyễn Thị Cúc	ghép lớp D24QXC-D24TMC-D24TDK																																15			15																
16	2	Giáo dục thể chất 2	1*	30*		30*	D24TMC1DN	20	458	Diệp Minh Đông	ghép D24TNC-D24TMC-D24TDK																								3	3				3	3	3		3	3	3	3	3										T	T	T		
17	2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1	2.5*	45*	37*	8*	D24TMC1DN	20																																																						
18	2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2	2*	30*	22*	8*	D24TMC1DN	20																																																						
19	2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3	1.5*	30*	14*	16*	D24TMC1DN	20																																																						
20	2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4	2*	60*	4*	56*	D24TMC1DN	20																																																						
		Tổng giờ,Thi, Xét KQHT	**32**	**495**	**465**	**30**	**D24TMC1DN**	**20**											**19**	**19**	**13**	**25**	**28**	**28**	**19**	**25**	**22**	**9**	**3**	**T**	**T**	**T**	**K**	**10**	**21**	**20**				**17**	**16**	**13**	**26**	**13**	**16**	**28**	**16**	**16**	**29**	**29**	**9**	**29**	**22**									

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè.

THÔNG TIN LỚP HỌC

D24TMC1DN **Bậc: Đại học;** **Khóa: D24;** **Ngành: Thương mại điện tử;** **C.Ngành: Quản lý xây dựng;**

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

TT	Học kỳ	Tên học phần	Số TC	Số tiết TS	Số tiết LT	Số tiết TH	Lớp	Số SV (HT)	Mã GV	Tên Giảng viên	HỌC KỲ I	HỌC KỲ II	HỌC KỲ HÈ
1	1	Triết học Mác - Lênin	3	45	45		D24TDK1DN	20		Đặng Quang Vinh - gvtg	ghép lớp D24TNC1DN-D24TMC1DN-D 6 6 6 6 6 6 6 3 T T T		
2	2	Pháp luật đại cương	2	30	30		D24TDK1DN	20		Nguyễn Thị Thu Na - gvtg	ghép lớp D24TMC-D24TDK-D24CDK 3 3 3 3 3 3 3 3 3 T T T		
3	1	Tiếng Anh B1.1	3	45	45		D24TDK1DN	20	460	Lê Thị Thanh Nhung	ghép lớp D24TNC-D24TMC-D24TDK-D 8 7 4 4 4 4 4 3 3 T T T		
4	1	Marketing số	2	30	30		D24TDK1DN	20		Hà Thị Duy Linh - gvtg	ghép 2 lớp ra 1 đợt 6 6 6 6 T T T		
5	1	Toán cao cấp	3	45	45		D24TDK1DN	20		Nguyễn Bảo Việt - gvtg	ghép D24CTC-D24TDK và mời GVTG tại ĐN 6 6 8 8 8 9 T		
6	1	Lập trình cơ bản	3	60	30	30	D24TDK1DN	20	638	Nguyễn Xuân Hậu	ghép lớp D24CTC1DN-D24TDK1DN 15 15 15 15		
7	1	Giáo dục thể chất 1	1*	30*		30*	D24TDK1DN	20	458	Diệp Minh Đông	ghép D24TNC-D24TMC-D24TDK 3 3 3 3 3 3 3 T T T		
8	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	30		D24TDK1DN	20		Nguyễn Văn Nam - gvtg	ghép lớp D24CTC1DN-D24CTC1-D24CDK1DN	3 3 3 3 3 3 3 3 3	
9	2	Tiếng Anh B1.2	3	45	45		D24TDK1DN	20	460	Lê Thị Thanh Nhung	ghép lớp D24TNC-D24TMC-D24TDK-D24CDK 3 4 4 4 4 4 4 4 4 6		
10	1	Vật lý đại cương	3	45	45		D24TDK1DN	20	345	Nguyễn Bá Phi	ghép D24XDK1DN-D24TDK1DN học song song 12 12 12 9 T T T		
11	2	Kỹ năng Giao tiếp và làm việc nhóm	2	30	30		D24TDK1DN	20	370	Nguyễn Thị Cúc	ghép lớp D24QXC-D24TMC-D24TDK 15 15		
12	2	Phương pháp tính và Matlab	3	60	30	30	D24TDK1DN	20	236	Đoàn Văn Hiệp	dạy cùng đợt ra học phần Giải tích 2 6 9 6 9 15 15 T		
13	2	Nhập môn kỹ thuật	2	30	30		D24TDK1DN	20	2665	Nguyễn Chí Sỹ	15 15 15		
14	2	Lý thuyết mạch điện 1	2	30	30		D24TDK1DN	20	172	Ngô Đình Thành	15 15		
15	2	Giáo dục thể chất 2	1*	30*		30*	D24TDK1DN	20	458	Diệp Minh Đông	ghép D24TNC-D24TMC-D24TDK 3 3 3 3 3 3 3 3 3 T T T		
16	2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1	2.5*	45*	37*	8*	D24TDK1DN	20					
17	2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2	2*	30*	22*	8*	D24TDK1DN	20					
18	2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3	1.5*	30*	14*	16*	D24TDK1DN	20					
19	2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4	2*	60*	4*	56*	D24TDK1DN	20					
		Tổng giờ,Thi, Xét KQHT	**33**	**525**	**465**	**60**	D24TDK1DN	**20**			**17 16 19 19 28 30 28 28 25 39 23 11 8 15 9**	**9 12 21 12 28 28 13 13 28 13 28 10 19 21 15**	

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè.

THÔNG TIN LỚP HỌC

D24TDK1DN **Bậc: Đại học;** **Khóa: D24;** **Ngành: Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá;** **C.Ngành: Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá;**

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

TT	Học kỳ	Tên học phần	Số TC	Số tiết TS	Số tiết LT	Số tiết TH	Lớp	Số SV (HT)	Mã GV	Tên Giảng viên	HỌC KỲ I	HỌC KỲ II	HỌC KỲ HÈ
1	1	Giải tích 1	2	30	30		D24CDK1DN	20	236	Đoàn Văn Hiệp	ghép lớp D24COK1DN-D24COK2DN-D		
2	1	Giáo dục thể chất 1	1*	30*		30*	D24CDK1DN	20	458	Diệp Minh Đông	ghép D24CTC-D24CDK		
3	1	Đại số tuyến tính	2	30	30		D24CDK1DN	20	236	Đoàn Văn Hiệp	ghép lớp D24QXC1DN-D24XDK1DN-D24CDK1DN		
4	1	Vật lý đại cương	3	45	45		D24CDK1DN	20	345	Nguyễn Bá Phi	ghép D24COK1DN-D24COK2DN-D24CDK1DN		
5	1	Cơ học cơ sở	3	60	30	30	D24CDK1DN	20	525	Lê Công Duy	ghép D24XDK1DN-D24CDK1DN		
6	1	Tiếng Anh B1.1	3	45	45		D24CDK1DN	20	460	Lê Thị Thanh Nhung	ghép lớp D24TNC-D24TMC-D24TDK-D		
7	1	Triết học Mác - Lênin	3	45	45		D24CDK1DN	20		Đặng Quang Vinh - gvtg	ghép lớp D23K1DN-D24CTC1DN-D24		
8	1	Công nghệ thông tin cơ bản	2	45	15	30	D24CDK1DN	20	461	Lâm Thị Hậu	ghép lớp D24LQC-D24CDK		
9	2	Giải tích 2	2	30	30		D24CDK1DN	20	245	Đào Văn Dương	ghép D24XDK-D24CDK1		
10	2	Sức bền vật liệu 1	3	60	30	30	D24CDK1DN	20	359	Phan Công Bản	ghép lớp D24XDK1DN-D24CDK1DN		
11	2	Hình họa - Vẽ kỹ thuật	3	45	45		D24CDK1DN	20	226	Huỳnh Thúc Linh	ghép D24XDK1DN-D24QXC1DN-D24CDK1DN		
12	2	Tiếng Anh B1.2	3	45	45		D24CDK1DN	20	460	Lê Thị Thanh Nhung	ghép lớp D24TNC-D24TMC-D24TDK-D24CDK		
13	2	Pháp luật đại cương	2	30	30		D24CDK1DN	20		Nguyễn Thị Thu Na - gvtg	ghép lớp D24TMC-D24TDK-D24CDK		
14	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30		D24CDK1DN	20		Trần Quốc Huy - gvtg	ghép lớp D24CTC1-D24TMC1-D24CDK1		
15	2	Giáo dục thể chất 2	1*	30*		30*	D24CDK1DN	20	458	Diệp Minh Đông	ghép D24CTC-D24CDK		
16	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	30		D24CDK1DN	20		Nguyễn Văn Nam - gvtg	ghép lớp D24CTC1DN-D24CTC1-D24CDK1DN		
17	2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1	2.5*	45*	37*	8*	D24CDK1DN	20					
18	2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2	2*	30*	22*	8*	D24CDK1DN	20					
19	2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3	1.5*	30*	14*	16*	D24CDK1DN	20					
20	2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4	2*	60*	4*	56*	D24CDK1DN	20					
		Tổng giờ,Thi, Xét KQHT	**35**	**570**	**480**	**90**	D24CDK1DN	**20**					

THÔNG TIN LỚP HỌC

D24CDK1DN **Bậc: Đại học;** **Khóa: D24;** **Ngành: Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông;** **C.Ngành: Xây dựng cầu đường;**